

Số: /BC-UBND Dakrông, ngày tháng năm 2024

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội, QPAN năm 2024
Phương hướng, nhiệm vụ năm 2025

Phần I

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2024

Thực hiện chủ đề năm 2024 “**Giữ vững kỷ cương; tăng cường trách nhiệm; tăng tốc thực hiện Nghị quyết Đại hội VI Đảng bộ huyện**”, ngay từ đầu năm UBND huyện đã tập trung chỉ đạo thực hiện quyết liệt Chương trình hành động thực hiện Kết luận số 817-KL/HU ngày 13/12/2023 của Huyện ủy và Nghị quyết số 178/NQ-HĐND ngày 14/12/2023 của HĐND huyện về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2024; thực hiện các nội dung theo chương trình công tác trọng tâm năm 2024; chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thuộc huyện căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao đề xuất các nội dung có tính trọng tâm, đột phá nhằm triển khai thắng lợi các chỉ tiêu kinh tế - xã hội năm 2024. Nhờ vậy, tình hình kinh tế - xã hội năm 2024 đạt được nhiều kết quả đáng ghi nhận, quốc phòng an ninh được giữ vững.

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU

Tổng giá trị sản xuất (theo giá so sánh 2010) năm 2024 ước đạt 1.707,525 tỷ đồng, tăng 16,14% so với năm 2023, đạt 103,45% KH. Trong đó: giá trị sản xuất ngành Nông-Lâm-Ngư nghiệp ước đạt 499,312 tỷ đồng, tăng 12,16% so với năm 2023, đạt 100% KH; Công nghiệp - TTCN, xây dựng ước đạt 909,663 tỷ đồng, tăng 16,87% so với năm 2023, đạt 100,9% KH; Thương mại - Dịch vụ ước đạt 298,55 tỷ đồng, tăng 20,99% so với năm 2023, đạt 119,57% KH.

Có gần 22/22 chỉ tiêu đạt và vượt so với Nghị quyết số 178/NQ-HĐND:

- Tổng giá trị sản xuất (theo giá SS năm 2010) ước đạt 1.707,525 tỷ đồng, tăng 16,14% so với năm 2023 (NQ 14-15%).

- Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội ước đạt: 630,28 tỷ đồng, trong đó NSNN đạt 310,72 tỷ đồng (NQ 500 tỷ đồng, trong đó NSNN 250 tỷ đồng);

- Tổng thu ngân sách nhà nước năm 2024 ước đạt: 914,167 tỷ đồng (NQ 528,42 tỷ đồng). Thu ngân sách trên địa bàn ước thực hiện 29,122 tỷ đồng (NQ 21,5 tỷ đồng), trong đó ngân sách huyện, xã hưởng 23,052 tỷ đồng, ước đạt 124,9% (NQ 18,45 tỷ đồng);

- Thu nhập bình quân đầu người ước đạt 36,2 triệu đồng (NQ 36-37 triệu đồng);

- Tổng sản lượng lương thực có hạt đạt: 10.631,3 tấn (NQ 10.600 tấn);
- Các chỉ tiêu về chăn nuôi, bao gồm: Tổng đàn bò ước đạt: 7.973 con (NQ 7.650 con); Tổng đàn dê ước đạt: 10.070 con (NQ 9.800 con); Tổng đàn gia cầm ước đạt: 102.080 con (NQ 102.000 con); Tổng sản lượng thịt hơi xuất chuồng: 1.655 tấn (NQ 1.600 tấn). Đối với đàn trâu và đàn lợn chưa đạt nghị quyết đề ra. Tổng đàn trâu ước đạt: 6.770 con (NQ 6.850 con); Tổng đàn lợn ước đạt: 5.068 con (NQ 5.200 con).
- Trồng rừng tập trung ước đạt: 1.000 ha (NQ 1.000 ha); trồng cây phân tán ước đạt 31 vạn cây (NQ 30 vạn cây);
- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên: 1,47% (NQ 1,6%);
- Mức giảm tỷ suất sinh ước đạt: 2,05‰ (NQ 0,5‰);
- Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo đạt: 5,25 (NQ >5%)
- Các chỉ tiêu về giải quyết việc làm: Số lao động được giải quyết việc làm năm 2024 ước đạt 1.196 lao động (NQ 650 lao động); Xuất khẩu lao động đạt 85 lao động (NQ 60 lao động), đào tạo nghề cho lao động nông thôn năm 2024 ước đạt 498 lao động (NQ 350-400 lao động)
- Tỷ lệ hộ dùng điện năm 2024 ước đạt: 99,83% (NQ 99,8%);
- Duy trì 87,8% hộ gia đình đạt danh hiệu gia đình văn hóa (NQ >85%), và trên 60% đơn vị văn hóa (NQ >60%). Đối với tỷ lệ thôn, xóm văn hóa chỉ đạt 29,48%¹ (NQ >70%).
- Duy trì 100% xã, thị trấn đạt chuẩn Quốc gia về y tế (NQ 100%);
- Giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi SDD (theo chiều cao): 0,51% (NQ 0,5%);
- Xây dựng trường đạt chuẩn Quốc gia ước đạt 3 trường (NQ 2-4 trường bao gồm công nhận mới và công nhận lại);
- Tỷ lệ bao phủ BHYT đạt 99,86% (NQ 99,84%);
- Tỷ lệ che phủ rừng đến cuối năm ước đạt: 65,6% (NQ 65,6%);
- Tỷ lệ hộ dùng nước sạch và hợp vệ sinh ở đô thị ước đạt 97,45% (NQ 97,15%); tỷ lệ dùng nước hợp vệ sinh ở nông thôn ước đạt: 89% (NQ 89%);
- Tỷ lệ sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh năm 2024 ước đạt 66,46% (NQ 65%);
- Số tiêu chí nông thôn mới tăng thêm so với năm 2023: 20 tiêu chí (NQ tăng 20 tiêu chí).
- Xây dựng sản phẩm theo chương trình OCOP đạt 03 sản phẩm (NQ 2 sản phẩm)

¹ Nguyên nhân từ năm 2024 áp dụng khung tiêu chuẩn danh hiệu Gia đình văn hóa, Thôn, tổ dân phố văn hóa, Xã, phường, thị trấn tiêu biểu với nhiều tiêu chí, tiêu chuẩn cao hơn, cụ thể hơn, toàn diện hơn.

II. TÌNH HÌNH VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KTXH NĂM 2024

1. Lĩnh vực kinh tế

1.1. Nông nghiệp và PTNT

a. Trồng trọt

Tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm 7.871,3 ha, đạt 101,27% so với kế hoạch năm, tăng 98,9 ha so với năm 2023². Năng suất các loại cây trồng năm 2024 đa phần đạt kế hoạch và cao hơn so với cùng kỳ năm 2023³. Sản lượng lương thực có hạt ước đạt 10.631,3 tấn, đạt 100,29% kế hoạch năm, tăng 29,8 tấn so với năm 2023⁴.

b. Chăn nuôi, thủy sản: Công tác phòng, chống dịch bệnh và đói, rét đàn vật nuôi trên địa bàn huyện được chú trọng. Trong năm, không xảy ra trường hợp gia súc chết do rét nhưng xảy ra dịch bệnh Lở mồm long móng (LMLM)⁵ và Viêm da nổi cục (VDNC)⁶ trên đàn vật nuôi. Hiện nay tổng đàn gia súc, gia cầm toàn huyện: Trâu: 6.770 con đạt 98,83% KH, giảm 75 con so với cùng kỳ năm trước; bò: 7.973 con, đạt 104,22% KH, tăng 473 con so với cùng kỳ năm trước; lợn: 5.068 con, đạt 97,46% KH, tăng 226 con so với cùng kỳ năm trước; dê: 10.070 con, đạt 102,76% KH, tăng 402 con so với cùng kỳ năm trước; gia cầm: 102.080 con, đạt 100,08% KH, tăng 80 con so với cùng kỳ năm trước. Sản lượng thịt hơi xuất chuồng 1.655 tấn đạt 103,44% KH, tăng 155 tấn so với cùng kỳ năm trước⁷. Công tác tiêm phòng vắc xin cho đàn gia súc, gia cầm được tích cực thực hiện⁸.

² Cụ thể: Cây lúa nước: 939,8 ha, bằng 101,1% KH năm, tăng 21,7 ha so với năm 2023; cây lúa rẫy: 783,4 ha bằng 97,9% KH năm, giảm 12,6 ha so với năm 2023; Cây ngô: 1932,5 ha, bằng 96,9% KH, giảm 5,5 ha so với năm 2023; Cây sắn: 2.678,1 ha, bằng 104% KH, tăng 32,4 ha so với năm 2023; Cây khoai lang: 43,5 ha, bằng 98,9% KH năm, tăng 0,4 ha so với năm 2023; Khoai khác: 64,2 ha, bằng 91,7% KH năm, giảm 3,9 ha so với năm 2023; Rau các loại: 268,6 ha, bằng 96,6% so với KH, tăng 5,4 ha so với năm 2023; Đậu các loại: 559,6 ha, bằng 107,6% KH, tăng 31,7 ha với năm 2023; Lạc: 543,7 ha, bằng 106,4% so với KH, tăng 30,2 ha so với năm 2023; Cây gia vị, dược liệu: 28,92 ha bằng 96,4% KH, giảm 2,3 ha so với năm 2023; Diện tích trồng cỏ 29 ha đạt 116% KH, tăng 1,4 ha so với năm 2023)

³ Cụ thể: ngô đạt 27 tạ/ha, bằng so với năm 2023; lúa nước ước đạt 48,87 tạ/ha, tăng 0,6 tạ/ha so với năm 2023; lúa rẫy ước đạt 10,6 tạ/ha, giảm 0,1 tạ/ha so với năm 2023; lạc đạt 26,4 tạ/ha, tăng 7,1 tạ/ha so với năm 2023.

⁴ Trong đó: Lúa nước ước đạt 4.592,8 tấn, đạt 106,4% KH, tăng 277,6 tấn so với năm 2023, lúa rẫy ước đạt 830,4 tấn, đạt 103,8% KH, giảm 30,4 tấn so với năm 2023, ngô ước đạt 5.208,1 tấn, đạt 94,9% KH, giảm 278,2 tấn so với năm 2023.

⁵ Bệnh LMLM xảy ra trên đàn gia súc tại 03 xã A Bung, Ba Lòng và Mò Ó với tổng số 441 con trâu, bò mắc bệnh (xã A Bung: 48 con, xã Ba Lòng: 383 con, xã Mò Ó: 10 con). Số lượng gia súc chết và tiêu hủy là 22 con (xã A Bung: 02 con, xã Ba Lòng: 20 con).

⁶ Bệnh VDNC xảy ra trên địa bàn xã Hướng Hiệp và Mò Ó, tổng số gia súc có biểu hiện mắc bệnh VDNC là 14 con bò (xã Mò Ó: 05 con, xã Hướng Hiệp: 09 con)

⁷ Trong đó: trâu: 270 tấn, bò: 415 tấn, lợn: 480 tấn, gia cầm: 220 tấn, dê: 265 tấn, thịt khác: 05 tấn

⁸ Đối với vắc xin hỗ trợ: Vắc xin phòng bệnh Đại tiêm được 2.200 liều, đạt 100% KH; vắc xin LMLM trâu, bò tiêm được 13.000, liều đạt 82,75% tổng đàn và trong đó có 1.050 liều vắc xin tiêm mũi 2; vắc xin VDNC trâu, bò tiêm được 5.500 liều, đạt 54,45% và hiện tại đang tiếp tục tiêm phòng.

Đối với vắc xin dịch vụ (người dân trả tiền vắc xin): Vắc xin THT trâu, bò: Tiêm được 5.675 liều, đạt 51,1%KH; vắc xin Tam liên tiêm phòng lợn (tụ huyết trùng, phó thương hàn, dịch tả): 1.870 liều, đạt 51% KH.

- Tổng diện tích nuôi trồng thủy sản đạt 14,58 ha, đạt 101,96% kế hoạch; tổng sản lượng đạt 69 tấn⁹, đạt 102,99% kế hoạch, tăng 02 tấn so với cùng kỳ năm trước.

c. Lâm nghiệp: Hoàn thành công tác cập nhật diễn biến rừng, công bố số liệu diễn biến rừng năm 2023; triển khai công tác cập nhật biến động rừng và đất lâm nghiệp năm 2024, ước tính độ che phủ năm 2024 đạt 65,6%. Chỉ đạo tổ chức Hội nghị tổng kết sản xuất NLN và công tác quản lý, bảo vệ, phát triển rừng năm 2023 và triển khai kế hoạch, nhiệm vụ năm 2024 trên địa bàn huyện. Kiểm tra, giám sát chặt chẽ hoạt động của các dự án có chuyển mục đích sử dụng rừng trên địa bàn huyện. Triển khai thực hiện Kế hoạch giao rừng thống nhất, đồng bộ với giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2024

* *Công tác Bảo vệ rừng:* Trong năm 2024 các lực lượng chức năng, cơ quan ban ngành có liên quan và các địa phương đã triển khai quyết liệt các biện pháp đấu tranh, phòng ngừa; thực hiện các giải pháp bảo vệ rừng, PCCCR, tình hình quản lý bảo vệ rừng được đảm bảo ổn định. Số vụ vi phạm giảm 21 vụ (giảm 42%) so với cùng kỳ năm 2023. Công tác PCCCR được chú trọng triển khai từ sớm, trên địa bàn xảy ra 02 điểm cháy¹⁰ và 01 vụ cháy nhỏ¹¹. Công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật cho nhân dân về bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng, sản xuất nương rẫy đúng quy định tiếp tục được đẩy mạnh¹².

Tình hình vi phạm pháp luật về lâm nghiệp (*tính đến ngày 25/11/2024*):

Về hành chính: Lực lượng chức năng trên địa bàn huyện đã phát hiện và lập biên bản 28 vụ vi phạm hành chính¹³. Xử lý vi phạm: 34 vụ¹⁴, tiền phạt vi phạm hành chính: 161,5 triệu đồng.

Về hình sự: Công an huyện đã ban hành 01 quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can về hành vi “vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm”. Tòa án nhân dân huyện đã tổ chức xét xử 01 vụ “hủy hoại rừng” tại Tiểu khu 684, xã Đakrông (năm 2023)¹⁵.

d. Xây dựng Nông thôn mới: Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn tiến hành rà soát hiện trạng xây dựng NTM của các xã theo Quyết định 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 và Quyết định 211/QĐ-TTg ngày 01/3/2024 của Thủ tướng Chính phủ; tổ chức và phối hợp làm việc với 12/12 xã về thực hiện xây dựng NTM. Chỉ đạo các cơ quan liên quan thẩm định thôn Phú Thành (xã Mò Ó) đạt chuẩn

⁹ Trong đó khai thác: 56 tấn, nuôi trồng: 13 tấn

¹⁰ Điểm cháy thảm thực vật dưới tán rừng tự nhiên tại xã A Ngo và điểm cháy thực bì rừng trồng tại xã Ba Lòng

¹¹ Vụ cháy tại thị trấn Krông Klang xảy ra do người dân xử lý thực bì sau khai thác rừng trồng bất cẩn, gây cháy lan khu vực giáp ranh các lô rừng trồng liền kề, diện tích rừng trồng bị thiệt hại là 0,0395 ha.

¹² Tổ chức 48 đợt tuyên truyền lưu động BVR-PCCCR trong những ngày nắng nóng cao điểm; Tổ chức họp tuyên truyền tại 104 thôn với 7.955 lượt người tham gia; Tuyên truyền, ký cam kết với 831 cá nhân, 12 lượt cơ sở KDCBLS; Ký cam kết đối tượng nghi có dấu hiệu khai thác, vận chuyển gỗ trái phép, luồng phát rừng tự nhiên trái phép: 11 cá nhân; Ký cam kết tuân thủ các quy định về bảo vệ động vật hoang dã đối với các cá nhân kinh doanh trên tuyến đường QL9: 06 cá nhân.

¹³ Tang vật, phương tiện vi phạm bị thu giữ: 17,928 m³ gỗ quy tròn các loại, 05 cá thể/07 kg động vật hoang dã quý hiếm (nhóm IIB); 01 máy cưa xăng; 02 cây súng tự chế; phá hủy 6.507 dây bẫy.

¹⁴ Trong đó có 14 vụ năm 2023 chuyển sang

¹⁵ Tòa đã tuyên phạt bị cáo Hồ Văn Hai 12 tháng tù cho hưởng án treo, đồng thời buộc bồi thường thu nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 56,468 triệu đồng.

thôn nông thôn mới năm 2023. Đến nay, toàn huyện đạt 161 tiêu chí; bình quân đạt 13,4 tiêu chí/xã. Trong đó: xã Triệu Nguyên đạt 19 tiêu chí; xã Ba Lòng 18 tiêu chí; xã Mò Ó đạt 16 tiêu chí; xã Tà Rụt đạt 15 tiêu chí; xã A Ngo đạt 14 tiêu chí; xã A Bung đạt 13 tiêu chí; các xã Hướng Hiệp, Tà Long và Húc Nghì đạt 12 tiêu chí/xã; các xã Đakrông, A Vao đạt 11 tiêu chí/xã; xã Ba Nang đạt 8 tiêu chí.

Công tác thực hiện các chương trình, dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình MTQG: Đến thời điểm hiện tại, huyện đã thẩm định, phê duyệt được 78/103 dự án¹⁶, có 04 dự án chưa đạt yêu cầu đã được Hội đồng đề nghị các đơn vị chỉnh sửa nhằm đảm bảo các quy định hiện hành.

e. Phòng chống thiên tai: UBND huyện, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN huyện chỉ đạo các đơn vị, địa phương chủ động theo dõi tình hình thời tiết để triển khai các biện pháp ứng phó với bão, mưa lớn; luôn sẵn sàng phương tiện và lực lượng di dời người dân đảm bảo an toàn khi có tình huống. Đối với bão số 4, UBND huyện đã kịp thời chỉ đạo, thành lập các đoàn kiểm tra trực tiếp, di dời các hộ dân các vùng có nguy cơ ngập lụt¹⁷; sau bão không có thiệt hại về người và tài sản trên địa bàn.

1.2. Công nghiệp - TTCN, xây dựng

Giá trị sản xuất CN-TTCN năm 2024 (Giá SS 2010) ước đạt 665.380 triệu đồng, tăng 19,87% so với năm 2023 và đạt 103,74% kế hoạch¹⁸. Các ngành công nghiệp khai thác, công nghiệp chế biến, công nghiệp điện đều có bước tăng trưởng khá, đạt và vượt kế hoạch và cao hơn từ 20% đến hơn 50% so với năm trước¹⁹; Tỷ lệ hộ dùng điện đạt 99,83%; tỷ lệ sử dụng nước sạch trên địa bàn thị trấn đạt 97,45%.

UBND huyện đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn thực hiện các Đề án, quy hoạch trọng tâm, trọng điểm. *Đề án hỗ trợ xây dựng nhà ở hộ nghèo, hộ cận nghèo các xã, thị trấn thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025:* Đến nay đã hỗ trợ xây dựng 630 nhà trong năm 2024, nâng tổng số nhà ở đã hỗ trợ đến nay trên toàn huyện là 1.373 nhà, đạt 81,39% so với tổng số nhà hỗ trợ theo Đề án UBND tỉnh phê duyệt; Dự kiến đến hết năm 2024 hoàn thành thêm 277 căn nhà, nâng tổng số nhà ở đã hỗ trợ là 1.650 nhà, đạt 97%. *Đề án Điều chỉnh Quy hoạch chung thị trấn Krông Klang, huyện Đakrông đến năm 2035:* Chỉ đạo cơ quan chuyên môn phối hợp với đơn vị tư vấn hoàn chỉnh hồ sơ Đề án theo văn bản thẩm định của Sở xây dựng để trình UBND tỉnh

¹⁶ Sau khi các xã, thị trấn xin điều chỉnh hạng mục các dự án, trên địa bàn có tổng số 103 dự án thực hiện nguồn kinh phí năm 2021, 2022 và 2023

¹⁷ Thành lập 04 Đoàn kiểm tra trực tiếp chỉ đạo công tác ứng phó với bão số 4 và mưa lũ tại các địa phương; chỉ đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện cho học sinh trên toàn huyện nghỉ học chiều ngày 19/9/2024; tổ chức di dời 88 hộ/334 khẩu ở các vùng có nguy cơ ngập lụt.

¹⁸ Trong đó: Công nghiệp khai khoáng ước đạt 8.600 triệu đồng, tăng 53,4% so với năm 2023; Công nghiệp chế biến, chế tạo ước đạt 320.640 triệu đồng, tăng 19,7% so với năm 2023; Công nghiệp sản xuất và phân phối điện ước đạt 333.670 triệu đồng, tăng 19,4% so với năm 2023; Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải: 2.470 triệu đồng, tăng 15,7% so với năm 2023.

¹⁹ Khai thác được 145.800 m³ cát sạn các loại, tăng 59,69% so với năm 2023 và đạt 136,52% kế hoạch; sản lượng gỗ dăm đạt 100.800 tấn, tăng 25,53% so với năm 2023 và đạt 104,61% kế hoạch; sản lượng điện sản xuất và tiêu thụ 379 triệu KWh, tăng 21,47% so với năm 2023 và đạt 105,28% kế hoạch.

phê duyệt trong năm 2024. *Đề án quy hoạch xây dựng vùng huyện Đakrông đến năm 2040, định hướng đến năm 2050*: Đang triển khai thực hiện. *Đề án Quy hoạch chung đô thị mới Tà Rụt, huyện Đakrông đến năm 2045*: UBND tỉnh đang lấy ý kiến thống nhất của Bộ Xây dựng. *Quy hoạch chung xây dựng các xã đến năm 2035*: Cơ quan chuyên môn đã hoàn thành thẩm định đề án của các xã. Các công trình trọng điểm theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ VI tiếp tục được quan tâm chỉ đạo²⁰.

Tổng kế hoạch vốn đầu tư công thực hiện trong năm 2024 (bao gồm vốn bổ sung có mục tiêu) tính đến ngày 25/11/2024 là: 217.585 triệu đồng, giải ngân thanh toán: 125.755 triệu đồng, đạt tỷ lệ 57,8%, cụ thể: tổng nguồn vốn XDCB (ngân sách huyện, tỉnh) năm 2024 được phân bổ là: 41.260 triệu đồng; Giải ngân thanh toán: 19.206 triệu đồng; Tỷ lệ giải ngân đạt 46,55%. Vốn ĐTPT các chương trình MTQG năm 2024 được phân bổ: 133.763 triệu đồng; Giải ngân thanh toán: 88.897 triệu đồng; Tỷ lệ giải ngân đạt 66,46%. Vốn đầu tư phát triển năm 2023 kéo dài sang năm 2024 (bao gồm các CT MTQG và XDCB ngân sách huyện, tỉnh) là 32.562 triệu đồng; Giải ngân thanh toán: 10.680 triệu đồng, đạt 32,8%. Kế hoạch trung ương hỗ trợ khắc phục thiên tai, bão lũ: 10.000 triệu đồng, Giải ngân thanh toán: 6.971 triệu đồng, đạt 69,71%.

Vốn sự nghiệp các Chương trình MTQG năm 2024 là 121.608 triệu đồng; Giải ngân thanh toán: 8.128 triệu đồng, đạt 6,68%. Vốn sự nghiệp các Chương trình MTQG kéo dài sang năm 2024 là 84.246 triệu đồng; Giải ngân thanh toán: 17.479 triệu đồng, đạt 20,75%.

1.3. Thương mại - Dịch vụ

Giá trị sản xuất ngành thương mại – dịch vụ (giá SS 2010) năm 2024 ước đạt 298.550 triệu đồng, tăng 20,99% so với năm 2023 và đạt 119,5% KH. Tổng mức bán lẻ hàng hóa, dịch vụ ước đạt 1.721.540 triệu đồng²¹.

²⁰ - Cơ sở hạ tầng kỹ thuật CCN Krông Klang, huyện Đakrông: Công trình được đầu tư xây dựng với tổng nguồn vốn là 19.136,838 triệu đồng. Đến nay công trình đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng.

- *Đường liên xã Đakrông - Mò Ó - Triệu Nguyên - Ba Lòng huyện Đakrông*: Công trình bao gồm đường liên xã và cầu vượt sông, tổng mức đầu tư 117.240,163 triệu đồng. Hiện nay công trình đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng, tạo sự kết nối giao thông thuận tiện, mở ra cơ hội phát triển kinh tế, khai thác tiềm năng sẵn có cho các xã bờ nam sông Đakrông và giải quyết ách tắc giao thông mùa mưa lũ.

- *Quy hoạch phát triển khu đô thị mới phía Đông Nam thị trấn Krông Klang (Quy hoạch khu dân cư tập trung Khe Luồi, xã Mò Ó)*: Đã hoàn thiện đề án Quy hoạch khu dân cư tập trung Khe Luồi, xã Mò Ó và đang triển khai điều chỉnh Quy hoạch chung thị trấn Krông Klang, trong đó bao gồm cả việc mở rộng không gian thị trấn sang phía Nam sông Đakrông.

- *Triển khai thành lập đô thị mới Tà Rụt*: Đề án Quy hoạch chung đô thị mới Tà Rụt, huyện Đakrông đến năm 2045 đã được HĐND tỉnh thông qua, UBND tỉnh đang lấy ý kiến thống nhất của Bộ Xây dựng. Ngoài ra, chợ trung tâm khu vực Tà Rụt với tổng mức đầu tư 5.500 triệu đồng đã hoàn thành và đi vào sử dụng.

- *Sân vận động huyện Đakrông*: Công trình giai đoạn 1 có tổng mức đầu tư 6.800 triệu đồng, hiện đang thi công, dự kiến 31/12/2024 hoàn thành đưa vào sử dụng.

- *Quảng trường văn hóa truyền thống các dân tộc Vân Kiều - Pa Cô thị trấn Krông Klang*: Công trình được phê duyệt chủ trương đầu tư với tổng mức 10.500 triệu đồng, hiện đang triển khai thi công, dự kiến hoàn thành 30/5/2025.

- *Hồ sinh thái (Đập dâng) Khe Ruồi, thị trấn Krông Klang*: Công trình có tổng mức đầu tư dự kiến 63.151 triệu đồng (Giai đoạn 1: 31.000 triệu đồng), hiện đang triển khai thực hiện công tác GPMB, dự kiến khởi công vào tháng 12/2024.

²¹ Trong đó, bán lẻ hàng hóa 1.463.460 triệu đồng; Lưu trú và ăn uống 157.260 triệu đồng; Dịch vụ khác 100.820 triệu đồng

Hoạt động kinh doanh thương mại tại trung tâm và những khu vực khác trên địa bàn cơ bản ổn định. Công tác xúc tiến thương mại được quan tâm, đã tham gia Hội chợ Thương mại và Du lịch-Nhịp cầu Xuyên Á-Quảng Trị năm 2024 và Chương trình kết nối giao thương. Chợ trung tâm huyện hoạt động ổn định; Chợ xã Tà Rụt đã đi vào hoạt động và có 50 hộ kinh doanh trong chợ. Công tác phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả tiếp tục được các cơ quan chức năng, UBND các xã quan tâm thực hiện. Số hộ đăng ký kinh doanh mới toàn huyện²² là 76 hộ, tăng 26 hộ so với năm 2023.

Về giao thông vận tải: Hoạt động vận tải năm 2024 trên địa bàn cơ bản đáp ứng nhu cầu đi lại, vận chuyển hàng hóa, vật liệu xây dựng của người dân. Về hàng hóa: vận chuyển: 565.000 tấn; Luân chuyển: 14.200.000 T.km. Về hành khách: vận chuyển: 45.500 lượt hành khách; Luân chuyển: 2.776.000 HK.km. Tổng doanh thu vận tải năm 2024 ước đạt: 82.604 triệu đồng²³, tăng 9,2% so với năm 2023.

1.4. Tài chính, ngân hàng

a. Tài chính Ngân sách: Tổng thu ngân sách Nhà nước (tính đến ngày 25/11/2024) là 831,341 tỷ đồng; Thu trên địa bàn là 28,622 tỷ đồng, đạt 133,1% dự toán tính giao, trong đó ngân sách huyện hưởng 22,752 tỷ đồng, đạt 123,3% dự toán tính giao, nếu loại trừ từ nguồn sử dụng đất thu được 17,581 tỷ đồng, đạt 162% dự toán giao. Tổng thu ngân sách năm 2024 ước thực hiện 914,167 tỷ đồng, đạt 101% dự toán giao (đã loại trừ các khoản thu bổ sung mục tiêu, thu chuyển nguồn, kết dư); Thu ngân sách trên địa bàn ước thực hiện 29,122 tỷ đồng, trong đó ngân sách huyện, xã hưởng 23,052 tỷ đồng, ước đạt 124,9% dự toán tính giao, nếu loại trừ nguồn thu tiền sử dụng đất ước đạt 164,8% dự toán tính giao. Tổng chi ngân sách tính đến ngày 25/11/2024: 602,254 tỷ đồng, trong đó chi đầu tư phát triển: 125,462 tỷ đồng và chi thường xuyên: 396,017 tỷ đồng. Ước tổng chi ngân sách đến cuối năm 2024 đạt 788,097 tỷ đồng, đạt 98,8% dự toán (đã loại trừ các khoản chi bổ sung trong năm, chi chuyển nguồn, chi kết dư).

b. Tín dụng ngân hàng: Tổng huy động qua Ngân hàng NN&PTNT huyện: 388,973 tỷ đồng; Ngân hàng CSXH huyện 562,969 tỷ đồng. Dư nợ tại Ngân hàng NN&PTNT huyện: 720,839 tỷ đồng, Ngân hàng CSXH 562,332 tỷ đồng. Tỷ lệ nợ xấu 0,52% đối với Ngân hàng NN&PTNT huyện và 0,05% đối với Ngân hàng chính sách xã hội²⁴.

1.5. Tài nguyên và môi trường, giải phóng mặt bằng

Hoàn thành công tác thống kê đất đai năm 2023 và công tác lập kế hoạch sử dụng đất năm 2024, tổ chức công bố, công khai theo quy định. Ban hành Kế hoạch số 52/KH-UBND ngày 01/3/2024 về triển khai thực hiện Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Đakrông. Xây dựng Kế hoạch định giá đất cụ thể năm 2024 và thành lập Hội đồng thẩm định giá đất, tổ giúp việc. Chi

²² Tính đến ngày 30/11/2024

²³ Trong đó: Doanh thu vận tải hàng hóa ước đạt: 74.440 triệu đồng. Doanh thu vận tải hành khách ước đạt: 8.164 triệu đồng

²⁴ Số liệu tại Ngân hàng NN&PTNT, Ngân hàng CSXH: tính lũy kế đến 25/11/2024.

đạo cơ quan chuyên môn hướng dẫn các địa phương xây dựng Phương án giao đất theo Quyết định 3359/QĐ-UBND của UBND tỉnh và phối hợp tổ chức rà soát, trao giấy chứng nhận QSD đất đã ký nhưng chưa bàn giao cho người sử dụng đất.

Triển khai công tác lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2024. Kiểm tra thực địa và cho ý kiến về một số dự án khai thác tài nguyên trên địa bàn²⁵. Tổ chức đoàn đoàn kiểm tra đánh giá tác động của các bãi than trên các tuyến Quốc lộ.

Tiếp tục thực hiện công tác GPMB, công tác chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác và tổ chức tuyên truyền vận động giải quyết vướng mắc để các hộ gia đình bàn giao mặt bằng thi công xây dựng. Chỉ đạo tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất các lô đất trên địa bàn thị trấn Krông Klang, kết quả có 02/08 lô đấu giá thành công, thu nộp ngân sách nhà nước 1.504,91 triệu đồng.

1.6. Hoạt động Khoa học công nghệ

Ban hành Kế hoạch số 94/KH-UBND ngày 25/3/2024 về Hỗ trợ ứng dụng, nhân rộng các kết quả khoa học và công nghệ trên địa bàn huyện Đakrông giai đoạn 2024-2026; Kế hoạch số 48/KH-UBND ngày 29/2/2024 về việc duy trì áp dụng và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động tại các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn huyện Đakrông năm 2024. Bổ sung 10 sản phẩm nông nghiệp tiềm năng của huyện Đakrông vào danh mục các sản phẩm nông nghiệp tiềm năng của tỉnh Quảng Trị giai đoạn đến năm 2030²⁶. Hỗ trợ 01 hệ thống truy xuất nguồn gốc, 01 Tiêu chuẩn cơ sở, kiểm nghiệm và công bố chất lượng sản phẩm, ghi nhãn hàng hóa gạo Nếp than tím Tà Long. Tổ chức kiểm tra đo lường trong hoạt động kinh doanh có sử dụng cân đồng hồ lò xo tại các chợ trên địa bàn²⁷ và kiểm tra về chất lượng thiết bị điện điện tử tại thị trấn Krông Klang²⁸.

2. Lĩnh vực văn hoá - xã hội

2.1. Giáo dục và đào tạo

Tập tục chỉ đạo rà soát, quy hoạch lại điểm trường trung tâm, sắp xếp các điểm trường lẻ theo hướng hợp lý, khoa học, thuận lợi và tập trung; từng bước vận động, chuyển học sinh về học tại điểm trường chính, điểm trường có điều kiện học tập tốt hơn. Hiện tại, toàn huyện có 36 trường học với 123 điểm trường và 598 nhóm, lớp. Năm học 2024 – 2025, toàn huyện có 04 đơn vị sắp xếp lại

²⁵ Phối hợp Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra thực địa và họp bàn về đề nghị chuyển nhượng quyền khai thác mỏ cát, sỏi TH6b của Công ty TNHH MTV Sơn Dũng Quảng Trị chuyển nhượng cho Công ty TNHH MTV Minh Quang QT; kiểm tra thực địa và họp bàn giải quyết đề nghị khai thác đá làm vật liệu xây dựng thông thường trong dự án “Đường vào mỏ kết hợp phục vụ dân sinh cho nhân dân thôn Ba Ngào - Chân Rò”.

²⁶ Gồm: Sâm Bó chính, Dê bản địa, nhung hươu Triệu Nguyên, nếp than Tà Long, mật ong, chuỗi lùn bản địa Tà Rụt, Heo bản (heo rừng lai)-lợn Vân Pa, dứa bản địa, đậu đen xanh lòng Triệu Nguyên, Lạc L14

²⁷ Kết quả: 32/74 cái đạt, đạt 43,24%

²⁸ Kết quả: Về ghi nhãn hàng hóa: 603/637 mẫu đạt, đạt 94,66%; Về chứng nhận hợp quy “CR” đối với sản phẩm: 602/637 mẫu đạt, đạt 94,5%

điểm trường; so với cùng kỳ năm học 2023 - 2024, giảm 05 điểm trường²⁹. Công tác huy động số lượng học sinh được duy trì. Tính đến thời điểm ngày 25/11/2024, toàn huyện có 13.493 học sinh từ cấp MN đến cấp THCS³⁰. Công tác phổ cập giáo dục và xóa mù chữ được duy trì tốt³¹. Công tác xây dựng trường đạt chuẩn Quốc gia tiếp tục được quan tâm. Kết quả trong năm có 03 trường chỉ tiêu năm 2023 và 01 trường chỉ tiêu của năm 2024 đã được công nhận đạt chuẩn quốc gia mức độ 1³²; đang đề nghị đánh giá và công nhận kiểm định chất lượng và đạt chuẩn quốc gia cho Trường MN Số 2 Đakrông và TH&THCS A Ngo, ước tính đến hết năm 2024 có thêm 2 trường đạt chuẩn quốc gia, nâng tổng số trường đạt chuẩn quốc gia toàn huyện lên 15 trường, đạt tỉ lệ 41,7%.

Chất lượng đội ngũ cán bộ, giáo viên các cấp học không ngừng được nâng lên. Hiện nay, cán bộ quản lý và giáo viên các cấp đạt chuẩn và trên chuẩn toàn ngành đạt 96,52%. Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học được UBND huyện quan tâm đầu tư và hoàn thiện, trong năm 2024 đã đầu tư xây dựng và đưa vào sử dụng 12 phòng học, 18 phòng học bộ môn, 27 phòng làm việc, 01 phòng đa năng và nhiều phòng chức năng khác.

Công tác giáo dục thường xuyên được duy trì, giáo dục nghề nghiệp tiếp tục được triển khai. Tổ chức tư vấn hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh THCS cho 637/787 học sinh lớp 9 (đạt tỉ lệ 80,94%). Chỉ đạo công tác phối hợp, liên kết với Trường Cao đẳng kỹ thuật Quảng Trị, Trường Cao đẳng Công nghiệp Huế quản lý các lớp trung cấp nghề trên địa bàn³³.

2.2. Y tế, dân số, KHH gia đình

Y tế: Chỉ đạo các đơn vị liên quan thực hiện công tác chăm sóc sức khỏe Nhân dân, phòng chống các loại dịch bệnh trên địa bàn. Tổ chức kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm trong dịp Tết Nguyên đán Giáp Thìn và triển khai “Tháng hành động vì an toàn thực phẩm”³⁴. Tổ chức các đoàn kiểm tra việc lưu hành, sử dụng

²⁹ Cấp MN giảm 03 điểm (điểm trường Pa Ling 2- MN A Vao; Ra Poong 2 – MN Pa Nang; Klu – MN Số 2 Đakrông); cấp TH giảm 02 điểm (điểm trường Pire 2 – TH&THCS A Bung; điểm Tân Đi 3 - PTDTNT TH&THCS A Vao).

³⁰ - Cấp MN có 4.147 cháu, trong đó, nhà trẻ có 694 cháu, tỉ lệ huy động đạt 30,6%; mẫu giáo có 3.453 cháu, tỉ lệ huy động đạt 99,5%, riêng trẻ 5 tuổi huy động đạt 100%.

- Cấp TH có 5.941 học sinh, tỉ lệ huy động trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt 99,7%.

- Cấp THCS có 3.405 học sinh, tỉ lệ huy động học sinh hoàn thành chương trình tiểu học vào lớp 6 đạt 99,9%.

³¹ 100% xã, thị trấn duy trì vững chắc kết quả PCGD MN cho trẻ em 5 tuổi; đạt chuẩn phổ cập giáo dục TH mức độ 3, phổ cập THCS mức độ 1, PCGD-XMC đạt mức độ 2 và có 01/13 xã, thị trấn đạt chuẩn phổ cập bậc Trung học.

³² Trường Mầm non Ba Lòng đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2, đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1; Trường Mầm non Sơn Ca đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2, đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1; Trường TH Tà Rụt đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2, đạt Chuẩn quốc gia mức độ 1; Trường Mầm non Tà Rụt đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2, đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1.

³³ Phối hợp với Trường Cao đẳng Kỹ thuật Quảng Trị tổ chức thi tốt nghiệp lớp Trung cấp Kỹ thuật Chăn nuôi - Thú y với 14 học sinh, học viên; quản lý 01 lớp Trung cấp Điện Công nghiệp khoá 2023-2026 với 35 học viên, 02 lớp trung cấp Kỹ thuật Chế biến món ăn khoá 2023-2026 với 47 học viên; phối hợp tuyển sinh mới 03 lớp trung cấp khoá 2024-2027 (01 lớp Trung cấp Điện Công nghiệp và 02 lớp Trung cấp Chế biến món ăn) với 87 học viên. Phối hợp với Trường CĐCN Huế và trường THPT Đakrông duy trì và quản lý 04 lớp Trung cấp khóa học 2022-2024 (Tin học 02 lớp; Điện 01 lớp; Hàn 01 lớp) với tổng số 69 học viên; 03 lớp Trung cấp khóa học 2023-2025 (Tin học 01 lớp; Điện 01 lớp; Hàn 01 lớp) với tổng số 81 học viên

³⁴ Dịp tết Nguyên Đán và mùa Lễ hội Xuân 2024: tổ chức kiểm tra 187 cơ sở, kết quả có 85,6% cơ sở đạt. “Tháng hành động vì an toàn thực phẩm” năm 2024: có 329 cơ sở được kiểm tra.

thuộc viên hoàn giả tại các cơ sở kinh doanh dược³⁵ và kiểm tra công tác hành nghề Dược phẩm, Mỹ phẩm và Thực phẩm chức năng tại các cơ sở kinh doanh dược trên địa bàn huyện³⁶, đa số các cơ sở đã chấp hành tương đối tốt các quy định của pháp luật. Tổ chức thực hiện có hiệu quả các chương trình y tế, trong đó công tác phòng, chống dịch sốt xuất huyết được chú trọng. Tỷ lệ tham gia BHYT toàn huyện đạt 99,86%. Công tác xây dựng nhà tiêu hợp vệ sinh được quan tâm chỉ đạo³⁷. Số nhà tiêu hợp vệ sinh được xây dựng mới trong năm đến nay là 529 cái, đạt 80,76% so với chỉ tiêu kế hoạch đề ra trong năm 2024 (655 cái). Tỷ lệ hộ sử dụng NTHVS là 66,46%, đạt chỉ tiêu đề ra (Kế hoạch: 65%).

Dân số - Kế hoạch hóa gia đình: Trong năm 2024, tỷ suất sinh là 18,32‰, giảm 2,05‰ so với năm 2023; tỷ lệ gia tăng dân số tự nhiên 1,47%, giảm 0,14% so với năm 2023; tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên chiếm 33,2%, tăng 5,9% so với năm 2023.

2.3. Văn hoá, thể dục thể thao, du lịch, thông tin truyền thông

Triển khai thực hiện Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, kết quả có 87,8% hộ gia đình được công nhận gia đình văn hóa, 29,48% thôn khóm được công nhận là thôn, khóm văn hóa, trên 60% đơn vị là đơn vị văn hóa. Tổ chức tốt các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao chào mừng kỷ niệm 94 năm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (03/02/1930 - 03/02/2024), mừng xuân Giáp Thìn 2024. Xây dựng kế hoạch phục dựng, bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa phi vật thể dân tộc thiểu số “Lễ hội A Riêu piing của người Tà Ôi (Pa Cô)”. Tổ chức “Giải thưởng Mỹ thuật Thiếu nhi Việt Nam” và cuộc thi Đại sứ Văn hóa đọc huyện Đakrông năm 2024.

Cuộc vận động “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại” được triển khai sâu rộng. Hoạt động thể dục, thể thao diễn ra sôi nổi từ huyện đến cơ sở, thu hút được nhiều đối tượng tham gia góp phần nâng cao đời sống tinh thần và thể chất trong Nhân dân³⁸. Hoạt động du lịch trên địa bàn huyện dần được khôi phục, phát triển. Trong năm số lượng khách đến các điểm du lịch cộng đồng trên địa bàn huyện ước đạt 10.000 lượt khách.

Công tác đầu tư bảo tồn, tôn tạo, phát huy hệ thống di tích lịch sử văn hóa tiếp tục được thực hiện. Đã tổ chức 3 lớp tập huấn truyền dạy văn hóa phi vật thể; hỗ trợ hoạt động cho đội văn nghệ truyền thống tại các thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn.

Tiếp tục chỉ đạo thực hiện công tác QLNN về viễn thông Internet, bưu chính chuyên phát và hoạt động thông tin đối ngoại đảm bảo đúng quy trình,

³⁵ Công tác kiểm tra được tiến hành từ ngày 08/7/2024 đến ngày 10/7/2024 tại 09/09 cơ sở.

³⁶ Công tác kiểm tra được tiến hành từ ngày 13/8/2024 đến ngày 15/8/2024 tại 09/09 cơ sở

³⁷ UBND huyện ban hành Kế hoạch số 109/KH-UBND ngày 12/4/2024 về theo dõi, kiểm tra công tác xây dựng nhà tiêu hợp vệ sinh trên địa bàn huyện Đakrông năm 2024; Quyết định số 2490/QĐ-UBND ngày 16/9/2024 về việc thành lập Đoàn liên ngành kiểm tra công tác xây dựng nhà tiêu hợp vệ sinh năm 2024.

³⁸ Các xã, thị trấn tổ chức tháng hoạt động thể dục thể thao cho mọi người và Ngày chạy Olympic vì sức khỏe toàn dân, kết quả 100% xã, thị trấn tổ chức với số lượng 3.584 người tham gia. Tổ chức thành công giải vô địch Bóng chuyền Nam huyện Đakrông năm 2024; giải Quần vợt chào mừng Đại hội thi đua Quyết thắng giai đoạn 2019-2024. Phối hợp với các đoàn thể, hội tổ chức giải Bóng chuyền hơi Nam, giải bóng đá 05 người U13, giải bóng chuyền hơi nam nữ...

chất lượng. Tuyên truyền cổ động trực quan, tuyên truyền lưu động tiếp tục được quan tâm; hoạt động phát thanh truyền hình được duy trì đảm bảo thời gian theo quy định.

2.4. Chính sách xã hội, giải quyết việc làm, đào tạo nghề, giảm nghèo

Trong năm UBND huyện đã tổ chức thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, chăm lo chu đáo đời sống vật chất và tinh thần cho các tầng lớp Nhân dân. Thăm, tặng quà các đối tượng chính sách có công, BTXH, hộ nghèo, hộ cận nghèo nhân dịp Tết Nguyên đán Giáp Thìn năm 2024 và 94 năm ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam³⁹. Triển khai chi trả an sinh xã hội không dùng tiền mặt trên địa bàn huyện⁴⁰. Trong năm đã huy động từ các tổ chức, đơn vị hỗ trợ kinh phí xây dựng 34 nhà tình nghĩa cho các đối tượng người có công và thân nhân người có công với cách mạng khó khăn về nhà ở với tổng số tiền 3.065 triệu đồng⁴¹, trong đó đã bàn giao đưa vào sử dụng 09 nhà, 25 nhà đang triển khai xây dựng, dự kiến hoàn thành vào cuối năm 2024. Duy trì tốt công tác chăm sóc và bảo vệ trẻ em và trao học bổng cho các trẻ em có hoàn cảnh khó khăn với tổng số tiền 508,2 triệu đồng⁴²; có 03 trường hợp kết hôn trẻ em (dưới 16 tuổi), 02 trường hợp trẻ em tử vong⁴³. Công tác giảm nghèo tiếp tục được quan tâm. Đã tổ chức 02 đoàn học tập mô hình giảm nghèo thuộc chương trình MTQG giảm nghèo năm 2024 và đón các đoàn của các tỉnh bạn⁴⁴. Hiện nay trên địa bàn huyện có 4.002 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 32,79%, giảm 5,25% so với cuối năm 2023.

Tổ chức Hội nghị tuyên truyền, tư vấn, giới thiệu việc làm cho học sinh, sinh viên ra trường chưa có việc làm và người lao động năm 2024; phối hợp với các tổ chức, đơn vị tuyển chọn lao động đi học nghề, đào tạo nghiệp vụ và tuyển dụng lao động đi nước ngoài theo hợp đồng. Công tác lao động việc làm, qua đó đã đạt kết quả nổi bật, trong năm 2024 đã tạo việc làm mới cho 1.196 lao động, đạt 184% KH, trong đó xuất khẩu lao động 85 người, đạt 141,7% KH; đã hoàn thành đào tạo nghề cho 498 học viên, đạt 124,5% KH.

2.5. Công tác dân tộc

Thực hiện tốt chính sách đối với người có uy tín, năm 2024 có 70 người có

³⁹ Quà cho đối tượng chính sách có công tổng số tiền 463,2 triệu đồng (Trong đó: Quà Chủ tịch nước 1.372 suất: 418,2 triệu đồng; quà lãnh đạo tỉnh 03 suất: 4,5 triệu đồng; quà Báo Lao động tặng 03 suất: 4,5 triệu đồng; quà lãnh đạo huyện 40 suất: 40,5 triệu đồng); Quà cho các đối tượng BTXH: 36,9 triệu đồng; Quà tết hỗ trợ cho hộ nghèo, hộ cận nghèo: 9.367 suất tổng số tiền hơn 5,1 tỷ đồng đồng.

⁴⁰ 264 đối tượng người có công với cách mạng và 777 đối tượng BTXH

⁴¹ Ban quản lý Quỹ Đền ơn đáp nghĩa huyện hỗ trợ 02 nhà tình nghĩa (80 triệu/nhà); Quân đoàn 12 hỗ trợ 01 nhà với (70 triệu đồng); Cục Thuế tỉnh Quảng Trị hỗ trợ 01 nhà (70 triệu đồng); Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu hỗ trợ 05 nhà tình nghĩa (65 triệu/nhà). Tp Hà Nội hỗ trợ 20 nhà (100 triệu/nhà); Ngân hàng TMCP Sài Gòn –Thương Tín hỗ trợ 02 nhà (100 triệu/nhà); Bộ Quốc phòng hỗ trợ 03 nhà (80 triệu/nhà).

⁴² Trong đó: Tổ chức Zhi Shan Foundation hỗ trợ 447 suất học bổng: 314,7 triệu đồng (02 đợt); Quỹ bảo trợ trẻ em Việt Nam và Hội VNED hỗ trợ 04 suất học bổng: 13 triệu đồng; UBND Thành phố Hà Nội hỗ trợ 17 suất: 25,5 triệu đồng; Công an huyện, Báo thanh niên và chùa Phổ Hiền – Bà Rịa – Vũng Tàu hỗ trợ 300 suất: 150 triệu đồng; Sở LĐTB&XH Hà Nội hỗ trợ 5 suất: 5 triệu đồng.

⁴³ Trẻ em tảo hôn: 01 trẻ xã A Ngo, 01 trẻ xã Tà Long; 01 trẻ xã A Vao; 02 trẻ em đuối nước xã Ba Nang.

⁴⁴ Huyện Bắc Hà (Lào Cai), huyện Tri Tôn (An Giang).

uy tín trong đồng bào DTTS⁴⁵. Tổ chức thành công Đại hội đại biểu các DTTS huyện Đakrông lần thứ IV. Thực hiện có hiệu quả các dự án, tiểu dự án thuộc chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS và miền núi, như giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt; Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai ở các cấp; Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống, Truyền thông, tuyên truyền... Qua đó, đời sống vật chất và tinh thần của bà con từng bước được nâng cao.

2.6. Công tác đối ngoại

Quan hệ đối ngoại, hợp tác hữu nghị với nước bạn Lào tiếp tục được tăng cường. Nhân dịp Tết nguyên đán cổ truyền của Việt Nam, đoàn lãnh đạo huyện Sa Muội, huyện Salavan, tỉnh Salavan, Nước CHDCND Lào đã sang thăm và chúc tết Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân huyện Đakông. Trong năm 2024, UBND huyện đã tổ chức 02 đoàn đến thăm huyện Sa Muội và huyện Salavan, tỉnh Salavan, Nước CHDCND Lào⁴⁶.

Ngoài ra, tiếp tục phối hợp và triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình, dự án của các tổ chức phi chính phủ đang hoạt động trên địa bàn như: Tâm nhìn thế giới, Plan, Tổ chức Zhishan Foundation, Pacific links Foundation, Peace Trees Vietnam, Dove Fund, Tổ chức Sunflower Mission...với tổng kinh phí hơn 19 tỷ đồng.

3. Lĩnh vực nội chính

3.1. Công tác tổ chức cán bộ, chính quyền địa giới, thi đua khen thưởng, tôn giáo, cải cách hành chính

Công tác tổ chức bộ máy được thực hiện nghiêm túc, chỉ đạo các cơ quan kịp thời điều chỉnh quyền hạn, cơ cấu tổ chức; đến nay có 13/13 phòng chuyên môn đã thực hiện điều chỉnh theo quy định hiện hành. Qua các đợt sắp xếp, tổ chức bộ máy, hiện nay UBND huyện có 13 phòng chuyên môn và 04 đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND huyện, có 36 đơn vị sự nghiệp trường học; số đơn vị hành chính cấp xã hiện có là 12 xã và 01 thị trấn. Xã Triệu Nguyên được công nhận là xã an toàn khu theo Quyết định số 1318/QĐ-TTg ngày 01/11/2024 của Thủ tướng Chính phủ.

Công tác tổ chức cán bộ được duy trì. Hướng dẫn việc bầu bổ sung các chức danh Chủ chốt UBND các xã, thị trấn⁴⁷; Thực hiện bổ nhiệm, bổ nhiệm lại theo quy định. Thực hiện tuyển dụng viên chức sự nghiệp giáo dục năm 2024⁴⁸.

Các chế độ chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động được đảm bảo theo quy định. Công tác xây dựng chính quyền,

⁴⁵ Thăm hỏi và tặng quà cho 70 người có uy tín nhân dịp tết nguyên đán và nhân dịp Tết dân tộc cổ truyền Cúng lúa mới; Tập huấn, bồi dưỡng kiến thức và tổ chức tham quan học tập kinh nghiệm trong tỉnh cho 70 người có uy tín; Đưa 24 người có uy tín đi học tập kinh nghiệm tại tỉnh Quảng Nam...

⁴⁶ Đoàn thăm, dự Lễ hội phong tục dân tộc Pa Cô và năm du lịch Lào 2024 tại huyện Sa Muội (ngày 30/3/2024); Đoàn sang thăm, làm việc và chúc tết Đảng bộ, chính quyền, nhân dân huyện Sa Muội và huyện Salavan, tỉnh Salavan nhân dịp tết cổ truyền Bun Pi May năm 2024 (từ ngày 03-05/4/2024).

⁴⁷ Thị trấn Krông Klang; xã Đakrông, xã Mô Ó, xã Triệu Nguyên.

⁴⁸ Đã thành lập Ban Giám sát, Hội đồng tuyển dụng viên chức sự nghiệp giáo dục năm 2024.

địa giới hành chính, Tôn giáo – Hội⁴⁹, Thanh niên⁵⁰ tiếp tục được thực hiện tốt. Công tác CCHC được đẩy mạnh. Tổ chức Hội nghị đánh giá công tác CCHC năm 2023, triển khai nhiệm vụ năm 2024; thành lập Đoàn kiểm tra công tác CCHC; tổ chức cuộc thi về CCHC. Công tác thi đua, khen thưởng được duy trì.

3.2. Công tác tư pháp

Công tác xây dựng, thẩm định văn bản quy phạm pháp luật và rà soát, hệ thống văn bản pháp luật được triển khai nghiêm túc. Trong năm 2024 đã rà soát 38 văn bản quy phạm pháp luật, ban hành 02 văn bản quy phạm pháp luật⁵¹; chỉ đạo cơ quan chuyên môn hướng dẫn các đơn vị thực hiện tốt công tác kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật. Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật được thực hiện tốt, bảo đảm quyền được thông tin về pháp luật của Nhân dân⁵². Công tác hòa giải ở cơ sở được duy trì⁵³. Tình hình vi phạm hành chính trên địa bàn huyện vẫn còn xảy ra ở một số lĩnh vực, trong năm đã xử lý 50 vụ vi phạm hành chính theo thẩm quyền⁵⁴, số tiền phạt thu nộp ngân sách nhà nước là 923 triệu đồng. Công tác thi hành pháp luật trên địa bàn cơ bản được tuân thủ.

3.3. Công tác thanh tra, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo

Công tác tiếp công dân thường xuyên và tiếp định kỳ của Chủ tịch UBND huyện được thực hiện theo quy định của Luật tiếp công dân. Trong năm đã tiếp 38 lượt/38 người; tiếp nhận 34 đơn/28 vụ việc kiến nghị, phản ánh⁵⁵

Các cuộc thanh tra được thực hiện theo kế hoạch. Trong năm đã thực hiện 05 cuộc/07 đơn vị⁵⁶; đã ban hành kết luận 03 cuộc/05 đơn vị, 02 cuộc/02 đơn vị đang trong quá trình dự thảo kết luận thanh tra. Kết quả thực hiện các Kết luận thanh tra: Tổng số tiền phải thu nộp ngân sách là 559,693 triệu đồng (trong đó: thu hồi các kết luận năm trước: 186,504 triệu đồng; kết luận năm 2024: 373,189 triệu đồng).

4. Quốc phòng - An ninh

Các lực lượng Công an, Quân sự, Biên phòng thường trực sẵn sàng chiến đấu, tổ chức tuần tra đường biên giới cột mốc, đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, phục vụ Nhân dân vui Tết, đón Xuân an toàn. Tổ chức Hội nghị

⁴⁹ Hướng dẫn các tổ chức Hội tổ chức đại hội nhiệm kỳ đúng quy định (Hội người mù; Hội NKT, NNDC/DOX & BTXH huyện). Hướng dẫn Ban vận động thành lập Hội cựu Công an nhân dân và Ban vận động thành lập Hội Người cao tuổi huyện hoàn thiện hồ sơ đề nghị thành lập.

⁵⁰ Ban hành kế hoạch thực hiện Chương trình phát triển thanh niên năm 2024; Phối hợp với Huyện Đoàn tổ chức chương trình đối thoại với thanh niên năm 2024. Làm việc với Đoàn giám sát của Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh.

⁵¹ Quyết định số 11/2023/QĐ-UBND ngày 20/12/2023 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của phòng Phòng Tài chính - Kế hoạch; Quyết định số 01/2024/QĐ-UBND ngày 09/4/2024 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Đakrông.

⁵² Đã tổ chức được: 187 điểm tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật với sự tham gia của 11.588 lượt người, tuyên truyền qua hệ thống loa truyền thanh ở cơ sở với thời lượng 15 giờ.

⁵³ Từ 01/01/2024 đến 31/10/2024, các tổ hòa giải ở cơ sở đã tiếp nhận và giải quyết 45 vụ (trong đó: hòa giải thành 38 vụ, tỷ lệ 84,5%; hòa giải không thành 05 vụ, tỷ lệ 11,1%; đang giải quyết 02 vụ, tỷ lệ 4,4%)

⁵⁴ Trong đó: Lĩnh vực kinh doanh, thương mại: 32 vụ; Lĩnh vực An ninh - trật tự: 12 vụ; Lĩnh vực giao thông đường bộ: 02 vụ; Lĩnh vực tệ nạn xã hội: 02 vụ; Lĩnh vực đất đai: 01 vụ; Phòng, chống bạo lực gia đình: 01 vụ.

⁵⁵ Kỳ trước chuyển sang: 10 đơn/07 vụ việc; tiếp nhận trong kỳ: 24 đơn/21 vụ việc

⁵⁶ Trong đó 01 cuộc năm trước chuyển sang

tổng kết công tác QPAN năm 2023 và triển khai nhiệm vụ QPAN năm 2024. Tổ chức thành công diễn tập chiến đấu khu vực phòng thủ các xã Triệu Nguyên, Ba Lòng, A Ngo. Tổ chức thành công Đại hội thi đua quyết thắng cho LLVT huyện giai đoạn 2019-2024 và sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết số 21/2019/NĐ-CP ngày 22/02/2019 của Chính phủ về khu vực phòng thủ. Thực hiện tốt công tác tuyển quân nghĩa vụ quân sự năm 2024, đạt 100% chỉ tiêu với 76/76 công dân; tổ chức lễ giao nhận quân trang trọng. Thực hiện huấn luyện cho các đối tượng đúng, đủ nội dung, chương trình, thời gian quy định.

Trong năm 2024, tội phạm trên các lĩnh vực tăng, đặc biệt tội phạm ma túy diễn biến phức tạp cả về tính chất, mức độ phạm tội với phương thức, thủ đoạn hoạt động ngày càng tinh vi, manh động. Tội phạm trên các lĩnh vực xảy ra 68 vụ/89 đối tượng, tăng 22 vụ so với cùng kỳ năm 2023. Trong đó, tội phạm trật tự xã hội: 11 vụ/19 đối tượng⁵⁷, tăng 02 vụ so với cùng kỳ năm 2023; Tội phạm kinh tế: 30 vụ/30 đối tượng⁵⁸, tăng 08 vụ/07 đối tượng so với cùng kỳ năm 2023, thu giữ khoảng 1.173 kg pháo hoa nổ các loại, trên 15.000 gói thuốc lá nhãn hiệu JET, 106,41 gam vàng; Tội phạm ma túy: 24 vụ/38 đối tượng, tăng 14 vụ/24 đối tượng so với cùng kỳ năm 2023, thu giữ 0,7 kg Heroin và khoảng 92.929 viên ma túy tổng hợp loại hồng phiến; Tội phạm về môi trường: 03 vụ/02 đối tượng, giảm 02 vụ/01 đối so với cùng kỳ năm 2023. Số đối tượng sử dụng trái phép chất ma túy trên địa bàn 147 đối tượng⁵⁹.

Tình hình tai nạn giao thông vẫn tiềm ẩn nhiều rủi ro phức tạp. Toàn huyện xảy ra 20 vụ, chết 12 người, bị thương 18 người, so với cùng kỳ năm 2023 tăng 02 người chết⁶⁰. Xảy ra 03 vụ cháy nhà dân, tăng 02 vụ so với cùng kỳ năm trước nhưng không xảy ra các vụ cháy nghiêm trọng, làm chết người, gây thiệt hại tài sản lớn.

II. KHÓ KHĂN, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

Bên cạnh những kết quả đạt được, tình hình kinh tế - xã hội năm 2024 còn có những khó khăn, vướng mắc:

- Tỷ lệ giải ngân các nguồn vốn còn thấp, phần lớn các dự án chưa đảm bảo tỷ lệ giải ngân theo tinh thần của Chỉ thị 01/CT-UBND tỉnh.

- Nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật của người dân về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất còn hạn chế, một số hộ gia đình không tích cực phối hợp, gây khó khăn trong quá trình thực hiện giải phóng mặt bằng.

- Tình hình thị trường bất động sản trong năm vẫn đang trầm lắng ảnh hưởng đến công tác tổ chức đấu giá, khó đạt được chỉ tiêu đã đề ra.

⁵⁷ Đánh bạc (05 vụ/12 đối tượng); Giết người (01 vụ/01 đối tượng); Cố ý gây thương tích (01 vụ/02 đối tượng); Giao cầu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi (01 vụ/01 đối tượng); Cướp giật tài sản (01 vụ/01 đối tượng); Trộm cắp tài sản (01 vụ/01 đối tượng); Huỷ hoại tài sản (01 vụ/01 đối tượng).

⁵⁸ 29 vụ/29 đối tượng Vận chuyển hàng cấm; 01 vụ/01 đối tượng Vận chuyển trái phép hàng hoá, tiền tệ qua biên giới. Thu giữ khoảng 1.173 kg pháo hoa nổ các loại, trên 15.000 gói thuốc lá nhãn hiệu JET, 106,41 gam vàng

⁵⁹ Trong đó: 03 đối tượng nghiện và 144 đối tượng sử dụng.

⁶⁰ Riêng tuyến Công an huyện quản lý xảy ra 07 vụ, chết 05 người, bị thương 06 người; so với năm 2023 giảm 02 vụ, số người chết tăng 01 người, số người bị thương giảm 07 người

- Ý thức, hiệu quả quản lý, bảo vệ rừng của các cộng đồng, hộ gia đình được giao rừng tự nhiên vẫn chưa cao; công tác tuần tra, kiểm tra rừng còn phụ thuộc vào các lực lượng chức năng. Một số địa bàn vẫn còn xảy ra tình trạng phá rừng, lấn chiếm rừng tự nhiên trái phép để canh tác nương rẫy.

- Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học của hầu hết các trường trên địa bàn chưa đạt mức tối thiểu theo quy định tại Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ GD&ĐT. Cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin của nhiều trường còn nhiều thiếu thốn.

- Một số xã các tiêu chí về giảm tỷ suất sinh và cặp vợ chồng sinh con thứ 3, tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi vẫn còn ở mức cao.

- Tình hình TNGT vẫn đáng lo ngại; tội phạm ma túy diễn biến phức tạp cả về tính chất, mức độ phạm tội với phương thức, thủ đoạn hoạt động ngày càng tinh vi, manh động; tội phạm đặc biệt nghiêm trọng vẫn còn xảy ra.

Phần II

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2025

I. DỰ BÁO BỐI CẢNH NĂM 2025

Năm 2025 có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, là năm cuối thực hiện Kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2021-2025, đồng thời là năm tập trung tổ chức Đại hội Đảng các cấp, tiến tới Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIV trong bối cảnh tình hình thế giới, trong nước dự báo tiếp tục chuyển biến nhanh, khó lường, cơ hội, thuận lợi, thách thức, rủi ro đan xen tác động đến việc xây dựng và thực hiện các mục tiêu phát triển KTXH.

Đối với huyện Đakrông, tình hình kinh tế dự báo tiếp tục có chiều hướng phát triển. Nhiều cơ chế chính sách mới được ban hành, một số quy hoạch quan trọng được phê duyệt; một số đề án, dự án đầu tư lớn ở cửa khẩu quốc tế La Lay được triển khai như: Dự án xây dựng băng tải vận chuyển than đá từ Lào qua cửa khẩu quốc tế La Lay về cảng biên Mỹ Thủy, Đề án phát triển kinh tế khu vực cửa khẩu La Lay, Đề án Hành lang kinh tế Quảng Trị (Việt Nam)-Salavan (Lào)-Ubon Ratchathani (Thái Lan)... Các chương trình MTQG tiếp tục tiếp thêm nguồn lực để đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, hỗ trợ phát triển sản xuất trên địa bàn. Tuy nhiên, năm 2025 cũng dự báo nhiều khó khăn, thách thức, nhất là việc hoàn thành các mục tiêu của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 và áp lực trong công tác quản lý vốn của các Chương trình MTQG, thách thức giữa yêu cầu phát huy tối đa hiệu quả nguồn vốn, đặc biệt là nguồn vốn sự nghiệp, hỗ trợ phát triển sản xuất, nâng cao đời sống tăng thu nhập cho người dân với việc đảm bảo công tác giải ngân, đạt được mục tiêu của các chương trình đã đề ra.

Với quyết tâm vượt qua mọi khó khăn thách thức; tập trung huy động và phát huy hiệu quả các nguồn lực; bám sát Nghị quyết đại hội đại biểu Đảng bộ

huyện Đakrông lần thứ VI nhiệm kỳ 2020-2025, khắc phục những tồn tại, hạn chế; UBND huyện xây dựng hệ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 cụ thể như sau:

II. MỤC TIÊU TỔNG QUÁT

Tiếp tục chỉ đạo thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đã được xác định Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ VI, nhiệm kỳ 2020-2025; Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 29/7/2021 của HĐND huyện về kế hoạch phát triển KT-XH 5 năm giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch phát triển KT-XH, QPAN 5 năm 2021-2025 tại Báo cáo số 219/BC-UBND ngày 26/7/2021 của UBND huyện.

Tiếp tục rà soát, chỉ đạo hoàn thành các đề án, cơ chế, chính sách đã được đề ra trong Nghị quyết Đại hội lần thứ VI của huyện. Chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình, đề án, kế hoạch đã ban hành; kịp thời đánh giá và có giải pháp hiệu quả, phù hợp với tình hình; phấn đấu hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra.

Các ngành, các cấp phát huy tinh thần đoàn kết, thực hiện tốt trách nhiệm ở mỗi ngành, mỗi cấp và mỗi lĩnh vực chuyên môn; nêu cao tính chủ động, năng động, sáng tạo để có giải pháp thực hiện từng mục tiêu, từng chỉ tiêu KT-XH 5 năm mà Nghị quyết HĐND huyện đã đề ra.

III. MỤC TIÊU CHỦ YẾU

1. Các chỉ tiêu về kinh tế

- Tổng giá trị sản xuất (theo giá SS năm 2010) tăng 14-15% so với năm 2024. Trong đó:

+ Nông - lâm - ngư nghiệp tăng 8%;

+ Công nghiệp-TTCN, xây dựng tăng 16-17%;

+ Ngành Thương mại - Dịch vụ tăng 20-21%;

- Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội: 750 tỷ đồng, trong đó nguồn NSNN là 250 tỷ đồng;

- Tổng thu ngân sách địa phương: 696,555 tỷ đồng. Thu trên địa bàn 23,05 tỷ đồng, trong đó ngân sách huyện, xã hưởng 18,95 tỷ đồng;

- Thu nhập bình quân đầu người: 41-42 triệu đồng/người/năm;

- Tổng sản lượng lương thực có hạt: 10.600 tấn;

- Tổng đàn gia súc, gia cầm: Trâu: 6.770 con, bò 8.000, lợn 5.200 con, dê 10.200 con, gia cầm: 102.100 con. Tổng sản lượng thịt hơi xuất chuồng: 1.800 tấn;

- Diện tích trồng rừng tập trung 1.000 ha; Trồng rừng phân tán: 30 vạn cây.

2. Các chỉ tiêu về xã hội

- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên: 1,52%;
- Mức giảm tỷ suất sinh: Giảm 0,5‰;
- Giảm tỷ lệ hộ nghèo: 4,5- 5%;
- Tạo việc làm 650 lao động và xuất khẩu 60 lao động; đào tạo nghề: trên 400 lao động;
- Duy trì tỷ lệ hộ dùng điện 99,83%;
- Duy trì trên 85% gia đình đạt danh hiệu gia đình văn hóa, phấn đấu trên 75% thôn, xóm văn hóa;
- Duy trì 100% xã, thị trấn đạt chuẩn Quốc gia về y tế;
- Giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi SDD (thể thấp còi): giảm 0,5% so với năm 2024;
- Xây dựng trường đạt chuẩn Quốc gia: 4-6 trường (1-2 trường công nhận mới, 3-5 trường công nhận lại);
- Tỷ lệ bao phủ BHYT đạt 100%.

3. Các chỉ tiêu về môi trường

- Tỷ lệ che phủ rừng đến cuối năm 2025 đạt 66%
- Tỷ lệ hộ gia đình dùng nước sạch, hợp vệ sinh ở thị trấn đạt 100%; tỷ lệ hộ gia đình dùng nước hợp vệ sinh ở nông thôn đạt 90%;
- Tỷ lệ hộ sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh: 70%;

4. Các chỉ tiêu về Nông thôn mới

- Phấn đấu tăng 22 tiêu chí NTM so với năm 2024;
- Phấn đấu xây dựng 02 sản phẩm theo chương trình OCOP.

IV. NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC

1. Lĩnh vực kinh tế

1.1. Nông nghiệp và PTNT

Tập trung chỉ đạo sản xuất theo lịch thời vụ, cơ cấu giống cây trồng. Khai hoang, phục hóa, mở rộng diện tích gieo trồng ở những nơi có điều kiện canh tác. Rà soát lại diện tích đất trồng lúa kém hiệu quả và thiếu nước tưới để chuyển đổi cây trồng cận có giá trị kinh tế cao, thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ chuyển đổi. Chỉ đạo, tuyên truyền vận động nhân dân áp dụng các loại giống mới ngắn ngày, năng suất cao; áp dụng mạnh các biện pháp kỹ thuật đầu tư thâm canh vào sản xuất, tập trung các biện pháp phòng chống rét cho cây trồng ngay từ đầu vụ Đông Xuân 2024 - 2025 và các giải pháp chống hạn trong vụ Hè Thu 2025. Tiếp tục chuyển dịch cơ cấu cây trồng theo hướng hình thành các vùng chuyên canh tập trung và sản xuất nông sản mang tính hàng hóa, nâng cao giá trị gia tăng trên đơn vị diện tích. Đẩy mạnh sản xuất có liên kết và tiêu thụ sản phẩm. Thực hiện công tác khuyến nông, tập huấn kỹ thuật canh tác nâng cao

kiến thức khoa học kỹ thuật cho nông dân. Có kế hoạch và giải pháp nhân rộng các mô hình trồng trọt thực hiện thành công và mang lại hiệu quả cao trong năm 2024 như mô hình trồng chuối lùn bản địa, mô hình trồng lạc theo chuỗi liên kết, mô hình trồng nếp than tại Tà Long và A Ngo...

Tập trung phát triển đàn gia súc, gia cầm, trong đó chú trọng phát triển khôi phục đàn lợn, trồng cỏ bổ sung thức ăn cho đàn gia súc. Chỉ đạo công tác phòng chống dịch cho gia súc gia cầm, phát hiện sớm và kịp thời dập tắt khi có dịch xảy ra. Kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ việc vận chuyển, mua bán gia súc trên địa bàn. Tăng cường kiểm soát giết mổ ở tất cả các địa phương. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về hỗ trợ giống vật nuôi trên địa bàn huyện. Tiếp tục bố trí đất trồng cỏ thực hiện chăn nuôi bán thâm canh; hạn chế tối đa tình trạng chăn nuôi thả rông. Củng cố, kiện toàn và nâng cao năng lực cho mạng lưới thú y cơ sở, đáp ứng yêu cầu về công tác phòng chống dịch tại chỗ ở từng địa phương.

Tập trung chỉ đạo chăm sóc, bảo vệ rừng trồng. Thực hiện tốt công tác trồng rừng của các chương trình dự án, trồng rừng phục hồi, trồng cây lâm sản ngoài gỗ; chỉ đạo thực hiện việc khoanh nuôi rừng tái sinh theo các chương trình dự án đã được duyệt. Tăng cường công tác bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng trong mùa khô hạn. Thực hiện tốt việc khoán bảo vệ rừng, giao rừng cho cộng đồng, hộ gia đình cá nhân bảo vệ và hưởng lợi theo quy định pháp luật. Kêu gọi, thu hút đầu tư từ nguồn lực xã hội hóa nghề rừng để phát triển kinh tế lâm nghiệp, góp phần tăng diện tích rừng trồng tập trung, bảo vệ môi trường sinh thái.

Tiếp tục chỉ đạo các xã và các phòng ban ngành phụ trách tiêu chí cùng phối hợp, nỗ lực triển khai các giải pháp để thực hiện đạt mục tiêu kế hoạch xây dựng NTM giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn huyện, đảm bảo đến cuối năm 2025 trên địa bàn có 3 xã đạt chuẩn nông thôn mới. Tập trung triển khai thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm năm 2025. Chỉ đạo thành lập các tổ hợp tác, HTX trong nông nghiệp, liên kết sản xuất, tiêu thụ nông sản, nâng cao thu nhập cho người nông dân trên địa bàn.

1.2. Công nghiệp-TTCN, Xây dựng

Tổ chức công khai, công bố Đồ án: Điều chỉnh, bổ sung quy hoạch xây dựng thị trấn Krông Klang, huyện Đakrông đến năm 2035. Triển khai công tác lập Đề án công nhận đô thị Tà Rụt đạt loại V, Chương trình phát triển đô thị huyện Đakrông theo Quyết định số 3508/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND tỉnh. Tiếp tục thực hiện Đề án xây dựng nhà ở hộ nghèo, hộ cận nghèo các xã, thị trấn năm 2025 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025. Phê duyệt Quy hoạch chi tiết kho bãi tập kết hàng hóa thôn A Deng, xã A Ngo, huyện Đakrông tỷ lệ 1/500. Hoàn thành quy hoạch xây dựng vùng huyện Đakrông đến năm 2040, định hướng đến năm 2050.

Tăng cường vận động, kêu gọi thu hút các doanh nghiệp, nhà đầu tư đầu tư vào Cụm công nghiệp. Xây dựng, bố trí nguồn lực đầu tư hệ thống hạ tầng kỹ thuật môi trường tại Cụm công nghiệp để tiếp nhận các dự án đầu tư vào Cụm Công nghiệp theo đúng quy định của pháp luật. Chỉ đạo các cơ quan liên quan hướng dẫn các nhà đầu tư đã được chấp thuận chủ trương đầu tư lập các hồ sơ

liên quan để đảm bảo điều kiện giao đất thực hiện dự án. Xây dựng phương án thu tiền sử dụng hạ tầng kỹ thuật và quy chế quản lý các dịch vụ công ích trong cụm công nghiệp Krông Klang.

Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị và các xã, thị trấn triển khai bảo vệ tốt hành lang an toàn đường bộ trên địa bàn, xử lý các trường hợp lấn chiếm hành lang an toàn đường bộ (nếu có). Rà soát bổ sung hệ thống báo hiệu giao thông; rà soát các điểm đen, điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông trên tuyến các tuyến Quốc lộ 9, đường Hồ Chí Minh, tỉnh lộ 588A...

1.3. Thương mại - Dịch vụ

Hỗ trợ đưa sản phẩm nông nghiệp, tiêu thủ công nghiệp, sản phẩm OCOP của doanh nghiệp có nhu cầu kết nối vào hệ thống siêu thị, chuỗi bán lẻ năm 2025. Hỗ trợ quảng bá giới thiệu sản phẩm thương mại dịch vụ, du lịch; thúc đẩy tiêu thụ hàng hóa thông qua các hoạt động xúc tiến thương mại, kết nối cung cầu, kết nối giao thương giữa nhà cung cấp với doanh nghiệp xuất khẩu. Tiếp tục phát triển kinh tế tập thể và hộ kinh doanh, phấn đấu trong năm thành lập mới trên 50 hộ kinh doanh.

Thực hiện công tác thanh tra kiểm tra về hoạt động kinh doanh thương mại; phòng chống hàng lậu, gian lận thương mại và hàng giả và thực hiện công tác bảo vệ người tiêu dùng.

1.4. Tài chính, ngân hàng

Đẩy mạnh công tác thu ngân sách trên địa bàn, sử dụng hiệu quả nguồn ngân sách nhà nước, thực hành triệt để tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý và sử dụng ngân sách Nhà nước. Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về thuế; đổi mới hình thức tuyên truyền, đa dạng hoá việc tuyên truyền về chính sách thuế Nhân dân, đặc biệt là các hộ kinh doanh, hợp tác xã, tổ hợp tác. Làm tốt công tác rà soát, kê khai và đôn đốc nộp thuế; chống thất thu và nợ đọng thuế, đôn đốc người nộp thuế thực hiện nộp thuế đúng, đủ, kịp thời các sắc thuế. Tăng cường xúc tiến đầu tư, kêu gọi các nhà đầu tư triển khai các dự án trên địa bàn để tăng thu ngân sách. Đẩy mạnh công tác tháo gỡ khó khăn trong GPMB, đẩy nhanh tiến độ các dự án đổi đất lấy cơ sở hạ tầng.

Tăng cường quản lý, giám sát, kiểm tra, thanh tra công tác quản lý tài chính ở các đơn vị, bảo đảm quản lý, sử dụng tài chính đúng quy định, công khai, minh bạch theo Luật Ngân sách nhà nước, Luật Kế toán và các văn bản hướng dẫn khác. Thực hiện chi ngân sách tiết kiệm, chống lãng phí đảm bảo có hiệu quả. Nâng cao năng lực của hệ thống ngân hàng, phục vụ tốt nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội.

1.5. Quản lý đất đai, tài nguyên môi trường, GPMB, tạo quỹ đất

Hoàn thành công tác lập Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của Điều chỉnh Quy hoạch huyện Đakrông; Tiếp tục triển khai thực hiện kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 tại đơn vị cấp xã. Tiếp tục thực hiện Phương án giao đất theo Quyết

định 3359/QĐ-UBND của UBND tỉnh; giải quyết đất ở, đất sản xuất cho đồng bào dân tộc thiểu số; thực hiện việc bóc tách các quỹ đất sản xuất trong phạm vi các Chủ rừng giao về địa phương quản lý; phối hợp giải quyết cấp GCN QSD đất cho các hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn huyện theo các chương trình, dự án...

Tăng cường công tác quản lý nhà nước môi trường trên địa bàn huyện. Lồng ghép công tác bảo vệ môi trường với nhiệm vụ thực hiện tiêu chí Môi trường trong xây dựng nông thôn mới. Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về khoáng sản và môi trường của các cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn. Tập trung nguồn lực để thực hiện nhiệm vụ thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt đúng quy định, xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng. Phối hợp với các ngành, địa phương tăng cường công tác quản lý nhà nước về khoáng sản trên địa bàn, trong đó chú trọng một số vùng có nhiều điểm mỏ thăm dò, khai thác như Hướng Hiệp, dọc sông Đakrông.

Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình thực hiện tốt chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất phục vụ phát triển KT-XH, QP- AN. Quyết tâm phấn đấu hoàn thành công tác GPMB đối với các công trình, dự án chuyển tiếp năm 2024, các công trình, dự án khởi công mới năm 2025 và các công trình, dự án trọng điểm; đảm bảo đúng tiến độ, sớm bàn giao mặt bằng sạch thi công dự án nhằm phát huy hiệu quả nguồn vốn đầu tư.

1.6. Khoa học công nghệ

Thực hiện các hoạt động duy trì cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015. Xây dựng các đề tài, dự án khoa học và công nghệ cấp cơ sở; đăng ký đề tài cấp tỉnh năm 2025

2. Lĩnh vực văn hóa - xã hội

2.1. Giáo dục đào tạo

Tiếp tục thực hiện chủ trương đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo theo Chương trình hành động số 73-CTr/HU ngày 28/10/2014 của Huyện ủy Đakrông, Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND huyện Đakrông.

Tập trung chỉ đạo rà soát, quy hoạch, sắp xếp lại các điểm trường theo hướng khoa học, hợp lý, đảm bảo quy mô theo quy định tại Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Triển khai đồng bộ, quyết liệt các giải pháp để nâng cao tỷ lệ trẻ trong độ tuổi đến trường, tỷ lệ chuyên cần, hạn chế tình trạng học sinh bỏ học. Tập trung triển khai thực hiện Kế hoạch số 110/KH-UBND ngày 03/6/2021 của UBND huyện Đakrông về thực hiện công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ năm 2021 đến năm 2025, trong đó chú trọng công tác xóa mù chữ, qua đó nâng cao trình độ dân trí cho đồng bào dân tộc thiểu số, biên giới trên địa bàn. Tiếp tục tuyên truyền nâng cao nhận thức về công tác giáo dục hướng nghiệp và phân luồng học sinh ở trong và ngoài nhà trường; thực hiện nghiêm túc chương trình giáo dục hướng nghiệp.

Nâng cao chất lượng giáo dục các cấp học. Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy, học và quản lý giáo dục. Phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục các đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục. Tăng cường huy động các nguồn lực đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học đảm bảo chất lượng các hoạt động giáo dục. Tập trung triển khai thực hiện Kế hoạch số 142/KH-UBND ngày 27/7/2021 của UBND huyện Đakrông về xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 2021 – 2025, trong đó tập trung rà soát, đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị giáo dục, bổ sung đội ngũ và tăng cường chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn các trường trong lộ trình hoàn thiện các tiêu chí, tiêu chuẩn để đạt chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

2.2. Y tế, dân số, KHH gia đình

Huy động tối đa nguồn lực, tăng cường phối hợp giữa các ban ngành đoàn thể, sự tham gia của chính quyền địa phương các cấp, các ngành trên địa bàn để nâng cao hiệu quả công tác bảo vệ và chăm sóc sức khỏe Nhân dân. Nâng cao năng lực phòng, chống dịch bệnh gắn với đổi mới Y tế cơ sở; Tăng cường công tác khám chữa bệnh, công tác vệ sinh an toàn thực phẩm, công tác phòng chống các dịch bệnh. Tăng cường quản lý, giám sát hoạt động khám chữa bệnh, công tác quản lý, sử dụng thuốc tại tuyến xã, thị trấn.

Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác dân số. Phát triển mạng lưới và nâng cao chất lượng dịch vụ, thực hiện đầy đủ, kịp thời và hiệu quả các chủ trương, chính sách, pháp luật về công tác dân số. Tăng cường chỉ đạo, đầu tư nguồn lực nhằm tăng tỷ lệ hộ sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh trên địa bàn, hoàn thành các chỉ tiêu về dân số và giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng ở trẻ dưới 5 tuổi.

2.3. Văn hoá, thể dục thể thao, du lịch, thông tin truyền thông

Thực hiện các nhiệm vụ Quản lý nhà nước về Văn hóa Thông tin. Tiếp tục hướng dẫn BCĐ phong trào TĐĐKXDĐSVH và công tác Gia đình UBND các xã, thị trấn tổ chức cho các thôn, khóm rà soát để xây dựng, sửa đổi bổ sung, hương ước, quy ước; hướng dẫn lập hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu gia đình văn hóa, thôn văn hóa năm 2025. Xây dựng kế hoạch triển khai Đề án “Đổi mới, nâng cao chất lượng xây dựng đời sống văn hóa huyện Đakrông giai đoạn 2022-2025, định hướng đến 2030”.

Tiếp tục kêu gọi đầu tư khôi phục hoạt động du lịch; thực hiện công tác đầu tư, bảo tồn, tôn tạo, chống xuống cấp hệ thống di tích lịch sử văn hóa trên địa bàn huyện Đakrông giai đoạn 2018 – 2020, định hướng đến 2025 theo kế hoạch; xây dựng kế hoạch tham gia Ngày hội văn hóa thể thao các dân tộc tại Quảng Trị. Tổ chức tuyên truyền các ngày lễ lớn, các sự kiện văn hóa, chính trị trong năm 2025.

2.4. Chính sách xã hội, giải quyết việc làm, đào tạo nghề, giảm nghèo

Triển khai thực hiện tốt chế độ chính sách đối với thương, bệnh binh, gia đình liệt sỹ, người có công với cách mạng, các đối tượng BTXH, trẻ em, người nghèo... Tiếp tục thực hiện tốt cuộc vận động đóng góp quỹ “Đền ơn đáp nghĩa”, “Quỹ tình nghĩa”, xã hội hóa công tác đền ơn, đáp nghĩa. Triển khai thực hiện

tốt công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cuối năm. Tăng cường tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật của Nhà nước về giảm nghèo. Thực hiện lồng ghép các nguồn vốn thực hiện chính sách hỗ trợ giảm nghèo từ các Chương trình MTQG, nguồn lực hỗ trợ giảm nghèo của các tập đoàn kinh tế, của các tổ chức xã hội đảm bảo hiệu quả. Triển khai thực hiện các Chương trình, kế hoạch liên quan đến công tác trẻ em; phấn đấu 100% xã, thị trấn đạt chuẩn xã, thị trấn phù hợp với trẻ em năm 2025 theo Quyết định 06/QĐ-TTg ngày 03/1/2019 của Thủ tướng Chính phủ.

Tăng cường công tác tập huấn, hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ, phổ biến các chế độ chính sách về học nghề, vay vốn giải quyết việc làm. Thực hiện tốt công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn, đảm bảo đạt chỉ tiêu. Chú trọng đào tạo nghề gắn với thế mạnh của địa phương. Phối hợp với các công ty, doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh tuyển lao động trong nước và lao động nước ngoài theo hợp đồng. Tăng cường kiểm tra, giám sát chất lượng, hiệu quả công tác dạy nghề cho lao động nông thôn gắn với nhiệm vụ nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và hiệu quả giải quyết việc sau đào tạo nghề.

Tổ chức tuyên truyền, phổ biến chế độ, chính sách, pháp luật về BHXH, BHYT, BHTN, sâu rộng đến các tầng lớp Nhân dân để người dân hiểu rõ sự cần thiết, lợi ích, vai trò, ý nghĩa và những nội dung cơ bản của chính sách BHXH, BHYT đối với bảo đảm an sinh xã hội.

2.5. Chính sách đối với đồng bào dân tộc

Tổ chức triển khai thực hiện các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2025. Tiếp tục triển khai thực hiện các chính sách, đề án: Chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số; Đề án giảm thiểu tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống; Đề án tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số. Tổ chức kiểm tra đánh giá kết quả, hiệu quả các chính sách dân tộc thực hiện trong năm 2025. Tổ chức Hội nghị biểu dương người có uy tín tiêu biểu trong đồng bào dân tộc thiểu số năm 2025.

2.6. Công tác đối ngoại

Tăng cường các hoạt động hợp tác và phát triển; củng cố, hình thành mối quan hệ hợp tác bền vững với các đối tác nước ngoài hiện có. Tiếp tục đẩy mạnh quan hệ hợp tác với huyện Sa Muối, huyện Salavan (Lào) trong phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội. Tạo sự liên kết giữa huyện với các địa phương trên hành lang kinh tế Đông - Tây. Triển khai, lập các dự án mang tính khả thi nhằm kêu gọi vận động tài trợ, hỗ trợ nguồn lực từ các tổ chức trong và ngoài nước, các dự án chính phủ, phi chính phủ nước ngoài, góp phần giảm nghèo, phát triển kinh tế, xã hội của địa phương.

Phối hợp với các đơn vị liên quan nhằm quản lý chặt chẽ và thực hiện có hiệu quả dự án về phát triển sinh kế, nâng cao đời sống, nâng cao nhận thức, bảo vệ các đối tượng yếu thế... của các tổ chức hiện đang hoạt động trên địa bàn.

3. Lĩnh vực nội chính

3.1. Công tác tổ chức cán bộ, xây dựng chính quyền, địa giới hành chính, tôn giáo, thi đua khen thưởng, cải cách hành chính

Tiếp tục chỉ đạo việc sắp xếp cơ quan chuyên môn và đơn vị sự nghiệp thuộc UBND cấp huyện; xây dựng đề án vị trí việc làm trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp theo quy định tại Nghị định số 62/2020/NĐ-CP và Nghị định số 106/2020/NĐ-CP của Chính phủ. Triển khai thực hiện Đề án sắp xếp, tổ chức lại hệ thống đơn vị sự nghiệp công lập, nâng cao mức độ tự chủ, đẩy mạnh xã hội hóa. Tiếp tục thực hiện tốt việc phân cấp quản lý nhà nước theo quy định. Thực hiện quản lý công chức, viên chức; sắp xếp, bố trí đội ngũ CBCC cấp xã đảm bảo theo đúng quy định.

Triển khai thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ cải cách hành chính trên các lĩnh vực từ cải cách thể chế; cải cách thủ tục hành chính; cải cách bộ máy; cải cách công vụ; cải cách tài chính công và xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số. Tổ chức công tác kiểm tra CCHC và kiểm tra kỷ cương, kỷ luật hành chính, văn thư lưu trữ tại một số cơ quan, đơn vị, các xã, thị trấn. Duy trì và thực hiện tốt công tác thi đua khen thưởng, tôn giáo và công tác quản lý nhà nước về thanh niên, Hội trên địa bàn huyện.

3.2. Tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm chống lãng phí, thực hiện nghiêm túc công tác thanh tra, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo, thực hiện tốt công tác tư pháp

Thực hiện tốt công tác tiếp công dân thường xuyên, định kỳ theo quy định của Luật tiếp công dân. Tiếp tục chỉ đạo cơ quan Thanh tra tăng cường công tác thanh tra trách nhiệm của thủ trưởng các cơ quan đơn vị, Chủ tịch UBND xã, thị trấn trong công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo. Thường xuyên tuyên truyền phổ biến pháp luật về khiếu nại, tố cáo, hướng dẫn cho công dân gửi đơn kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo đến đúng cơ quan có thẩm quyền giải quyết; hạn chế tối đa đơn khiếu nại, tố cáo vượt cấp, đơn gửi đến nhiều cơ quan đơn vị về cùng một nội dung.

Thường xuyên tiến hành công tác tự kiểm tra, kiểm tra văn bản QPPL và rà soát, hệ thống hoá văn bản QPPL nhằm loại bỏ kịp thời những văn bản, những quy định mâu thuẫn, chồng chéo, không còn phù hợp với tình hình thực tiễn tại địa phương. Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật nhằm nâng cao nhận thức về pháp luật cho người dân. Tiếp tục theo dõi tình hình thi hành pháp luật tại địa phương, thực hiện nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Tư pháp. Thực hiện tốt Đề án “Nâng cao năng lực cho đội ngũ hòa giải viên ở cơ sở giai đoạn 2024-2025” và Đề án “Nâng cao năng lực cho đội ngũ báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật thực hiện phổ biến giáo dục pháp luật tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2024-2025”

4. Quốc phòng an ninh, trật tự an toàn xã hội

Tiếp tục triển khai cho các lực lượng duy trì nghiêm túc các quy định về

trực SSCĐ, tuần tra, canh gác, bảo đảm an toàn các mục tiêu trọng điểm về QP, AN giữ vững ANTC-TTATXH góp phần phát triển kinh tế, xã hội. Tăng cường luyện tập các phương án, tổ chức huấn luyện cho các đối tượng đúng quy định nhằm nâng cao chất lượng huấn luyện, công tác SSCĐ và PCTT-TKCN. Xây dựng kế hoạch tổ chức bồi dưỡng kiến thức QPAN cho các đối tượng. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả quy trình trong công tác tuyển quân, phân đầu khám tuyển và giao quân đúng chỉ tiêu trên giao; nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền, thực hiện tuyển sinh quân sự có hiệu quả.

Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác phòng chống tội phạm trên các lĩnh vực, đặc biệt là tội phạm ma túy; ngăn ngừa tệ nạn xã hội và phòng ngừa tai nạn, trong đó thực hiện đồng bộ các biện pháp phòng chống tội phạm và vi phạm pháp luật, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật. Rà soát trên các tuyến giao thông các điểm đen để có các biện pháp xử lý dứt điểm, giảm thiểu nguy cơ tai nạn giao thông trên địa bàn huyện.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội, QPAN năm 2024; Phương hướng, nhiệm vụ năm 2025, UBND huyện kính báo cáo./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- BTV Huyện uỷ;
- HĐND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Các Ban, HĐND huyện khóa V;
- Các đại biểu HĐND huyện khóa V;
- UBND các xã, thị trấn;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc huyện;
- UBMTTQVN và các tổ chức đoàn thể huyện;
- CVP, các PCVP, các CV;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Thái Ngọc Châu

Phụ lục
ƯỚC THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2024 SO VỚI CHỈ TIÊU
NGHỊ QUYẾT 178/NQ-HĐND

| TT | Chỉ tiêu | Đơn vị tính | Thực hiện 2023 | Chỉ tiêu theo Nghị Quyết 178 | Ước thực hiện năm 2024 | Kết quả (Đạt/Không đạt) | Ghi chú |
|----------|---|-------------|----------------|------------------------------|------------------------|-------------------------|---------|
| I | CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ | | | | | | |
| 1 | Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất | % | 15,44 | 14-15 | 16,14 | Vượt | |
| - | Nông - lâm - ngư nghiệp | % | 3,36 | 12-13 | 12,16 | Đạt | |
| - | Công nghiệp - TTCN, xây dựng | % | 23,16 | 15-16 | 16,87 | Vượt | |
| - | Thương mại - dịch vụ | % | 17,15 | 10-11 | 20,99 | Vượt | |
| 2 | Tổng vốn đầu tư phát triển | Tỷ đồng | 476,00 | 500,00 | 630,28 | Vượt | |
| | <i>Trong đó: Nguồn NSNN</i> | | <i>356,21</i> | <i>250,00</i> | <i>310,72</i> | Vượt | |
| 3 | Tổng thu ngân sách Nhà nước | Tỷ đồng | 955,82 | 528,42 | 914,167 | Đạt | |
| | <i>Trong đó: thu trên địa bàn (huyện, xã hưởng)</i> | Tỷ đồng | <i>21,95</i> | <i>21,50</i> | <i>29,122</i> | Đạt | |
| 4 | Thu nhập bình quân đầu người | Triệu đồng | 32,8 | 36-37 | 36,20 | Đạt | |
| 5 | Tổng sản lượng lương thực có hạt | Tấn | 10.515,4 | 10.600 | 10.631,3 | Đạt | |
| 6 | Chăn nuôi | | | | | | |
| - | Tổng đàn trâu | Con | 6.845 | 6.850 | 6.770 | Không đạt | |
| - | Tổng đàn bò | Con | 7.500 | 7.650 | 7.973 | Vượt | |
| - | Tổng đàn lợn | Con | 4.842 | 5.200 | 5.068 | Không đạt | |
| - | Tổng đàn dê | Con | 9.668 | 9.800 | 10.070 | Vượt | |
| - | Tổng đàn gia cầm | Con | 102.000 | 102.000 | 102.080 | Đạt | |

| TT | Chỉ tiêu | Đơn vị tính | Thực hiện 2023 | Chỉ tiêu theo Nghị Quyết 178 | Ước thực hiện năm 2024 | Kết quả (Đạt/Không đạt) | Ghi chú |
|-----------|--------------------------------------|-------------|----------------|------------------------------|------------------------|-------------------------|---|
| - | Tổng sản lượng thịt hơi xuất chuồng | Tấn | 1.500 | 1.600 | 1.655 | Vượt | |
| 7 | Lâm nghiệp | | | | | | |
| - | Diện tích trồng rừng tập trung | Ha | 1.060 | 1.000 | 1.000 | Đạt | |
| - | Trồng rừng phân tán | Vạn cây | 35,00 | 30 | 31 | Đạt | |
| II | CÁC CHỈ TIÊU XÃ HỘI | | | | | | |
| 8 | Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên | % | 1,60 | 1,6 | 1,47 | Đạt | |
| 9 | Mức giảm tỷ suất sinh | ‰ | 0,50 | 0,5 | 2,05 | Vượt | |
| 10 | Giảm tỷ lệ hộ nghèo | % | 5,71 | >5 | 5,25 | Đạt | |
| 11 | Giải quyết việc làm | | | | | | |
| - | Số lao động được giải quyết việc làm | Lao động | 1.300 | 650 | 1.196 | Vượt | |
| - | Xuất khẩu lao động | Lao động | 62 | 60 | 85 | Vượt | |
| - | Đào tạo nghề cho lao động nông thôn | Lao động | 540 | 350-400 | 498 | Vượt | |
| 12 | Tỷ lệ hộ dùng điện | % | 99,35 | 99,80 | 99,83 | Đạt | |
| 13 | Công nhận danh hiệu văn hóa | | | | | | |
| - | Gia đình văn hóa | % | 87,30 | >85 | 87,8 | Đạt | |
| - | Thôn, xóm văn hóa | % | 92,30 | >70 | 29,48 | Không đạt | Từ năm 2024 áp dụng khung tiêu chuẩn danh hiệu Gia đình văn hóa, Thôn, tổ dân phố văn hóa, Xã, phường, thị trấn tiêu biểu với nhiều tiêu chí, tiêu chuẩn cao hơn, cụ thể hơn, toàn diện hơn |

| TT | Chỉ tiêu | Đơn vị tính | Thực hiện 2023 | Chỉ tiêu theo Nghị Quyết 178 | Ước thực hiện năm 2024 | Kết quả (Đạt/Không đạt) | Ghi chú |
|------------|--|-------------|----------------|------------------------------|------------------------|-------------------------|---------|
| - | Đơn vị văn hóa | % | 61,00 | >60 | >60 | Đạt | |
| 14 | Xã đạt chuẩn quốc gia về y tế | xã | 13 | 13 | 13 | Đạt | |
| 15 | Mức giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi SDD (theo chiều cao) | % | 0,51 | 0,5 | 0,51 | Đạt | |
| 16 | Xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia (Bao gồm trường công nhận mới và công nhận lại) | Trường | 0 | 2-4 | 3 | Đạt | |
| 17 | Tỷ lệ bao phủ BHYT | % | 99,86 | 99,84 | 99,86 | Đạt | |
| III | CÁC CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG | | | | | | |
| 18 | Tỷ lệ che phủ rừng | % | 65,50 | 65,6 | 65,6 | Đạt | |
| 19 | Tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh ở đô thị | % | 97,10 | 97,15 | 97,45 | Đạt | |
| | Tỷ lệ hộ sử dụng nước hợp vệ sinh ở nông thôn | % | 88 | 89 | 89 | Đạt | |
| 20 | Tỷ lệ hộ sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh | % | 60 | 65 | 66,46 | Đạt | |
| IV | CÁC CHỈ TIÊU VỀ NÔNG THÔN MỚI | | | | | | |
| 21 | Số tiêu chí nông thôn mới tăng thêm so với năm trước | Tiêu chí | 26 | 20 | 20 | Đạt | |
| 22 | Xây dựng sản phẩm theo chương trình OCOP | Sản phẩm | 3 | 2 | 3 | Vượt | |

Phụ lục 2

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHỈ TIÊU KINH TẾ XÃ HỘI CHỦ YẾU NĂM 2024; KẾ HOẠCH NĂM 2025

| TT | Chỉ tiêu | Đơn vị tính | Thực hiện 2023 | Kế hoạch 2024 | Ước thực hiện 2024 | Kế hoạch 2025 | So sánh (%) | | |
|-----------|--|----------------|------------------|------------------|--------------------|------------------|---------------------|---------------------|---------------------|
| | | | | | | | TH 2024/ TH 2023 | TH 2024/ KH 2024 | KH 2025/ TH 2024 |
| A | CHỈ TIÊU KINH TẾ | | | | | | | | |
| I | Giá trị sản xuất (giá SS 2010) | Tỷ đồng | 1.470,277 | 1.650,517 | 1.707,525 | 1.957,519 | 116,14% | 103,45% | 114,64% |
| 1 | Nông - lâm - ngư nghiệp | Tỷ đồng | 445,177 | 499,312 | 499,312 | 539,019 | 112,16% | 100,00% | 107,95% |
| - | Nông nghiệp | Tỷ đồng | 304,507 | 341,158 | 334,497 | 366,159 | 109,85% | 98,05% | 109,47% |
| | <i>Trong đó: + Trồng trọt</i> | <i>Tỷ đồng</i> | <i>227,220</i> | <i>245,398</i> | <i>245,900</i> | <i>264,300</i> | <i>108,22%</i> | <i>100,20%</i> | <i>107,48%</i> |
| | <i>+ Chăn nuôi</i> | <i>Tỷ đồng</i> | <i>68,787</i> | <i>85,985</i> | <i>78,797</i> | <i>93,359</i> | <i>114,55%</i> | <i>91,64%</i> | <i>118,48%</i> |
| | <i>+ Dịch vụ</i> | <i>Tỷ đồng</i> | <i>8,500</i> | <i>9,775</i> | <i>9,800</i> | <i>8,500</i> | <i>115,29%</i> | <i>100,26%</i> | <i>86,73%</i> |
| - | Lâm nghiệp | Tỷ đồng | 137,810 | 155,036 | 161,955 | 170,000 | 117,52% | 104,46% | 104,97% |
| - | Thủy sản | Tỷ đồng | 2,860 | 3,117 | 2,860 | 2,860 | 100,00% | 91,74% | 100,00% |
| 2 | Công nghiệp - TTCN, xây dựng | Tỷ đồng | 778,350 | 901,513 | 909,663 | 1.058,000 | 116,87% | 100,90% | 116,31% |
| | <i>Trong đó: + Công nghiệp-TTCN</i> | <i>Tỷ đồng</i> | <i>555,080</i> | <i>641,400</i> | <i>665,380</i> | <i>765,000</i> | <i>119,87%</i> | <i>103,74%</i> | <i>114,97%</i> |
| | <i>+ Xây dựng</i> | <i>Tỷ đồng</i> | <i>223,270</i> | <i>260,113</i> | <i>244,283</i> | <i>293,000</i> | <i>109,41%</i> | <i>93,91%</i> | <i>119,94%</i> |
| 3 | Thương mại - Dịch vụ | Tỷ đồng | 246,750 | 249,693 | 298,550 | 360,500 | 120,99% | 119,57% | 120,75% |
| II | Cơ cấu giá trị sản xuất (giá hiện hành) | | | | | | | | |
| 1 | Nông - lâm - ngư nghiệp | % | 33,66 | 32 | 31,91 | 30,24 | | | |

| TT | Chỉ tiêu | Đơn vị tính | Thực hiện 2023 | Kế hoạch 2024 | Ước thực hiện 2024 | Kế hoạch 2025 | So sánh (%) | | |
|------------|---|----------------|----------------|---------------|--------------------|----------------|------------------|------------------|------------------|
| | | | | | | | TH 2024/ TH 2023 | TH 2024/ KH 2024 | KH 2025/ TH 2024 |
| 2 | Công nghiệp-TTCN, xây dựng | % | 51,07 | 52 | 51,88 | 52,65 | | | |
| 3 | Thương mại - Dịch vụ | % | 15,26 | 16 | 16,21 | 17,11 | | | |
| III | Thu ngân sách NN | Tỷ đồng | 979,83 | 528,42 | 914,167 | 696,555 | | | |
| | Trong đó: Thu trên địa bàn | Tỷ đồng | 31,57 | 21,50 | 29,122 | 23,05 | | | |
| IV | Chi Ngân sách nhà nước | Tỷ đồng | 976,81 | 525,37 | 788,097 | 692,455 | | | |
| V | Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội | Tỷ đồng | 476 | 500 | 630,28 | 750 | | | |
| B | CHỈ TIÊU XÃ HỘI | | | | | | | | |
| 1 | Dân số trung bình | Người | 46.886 | 47.540 | 47.685 | 48.520 | | | |
| 2 | Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên | % | 1,61 | 1,57 | 1,47 | 1,52 | | | |
| 3 | Số lao động được giải quyết việc làm | Người | 1.300 | 650 | 1.196 | 650 | | | |
| 4 | Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo | % | 5,71 | >5 | 5,25 | 4,5-5 | | | |
| 5 | Tỷ suất sinh | ‰ | 20,37 | 19,97 | 18,32 | 19,57 | | | |
| 6 | Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi SDD (theo chiều cao) | % | 21,49 | 20,99 | 20,98 | 20,48 | | | |
| C | CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG | | | | | | | | |
| 1 | Tỷ lệ che phủ rừng đến cuối năm | % | 65,50 | 65,60 | 65,60 | 66,00 | | | |
| 2 | Tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch ở đô thị | % | 97,10 | 97,15 | 97,45 | 100,00 | | | |

| TT | Chỉ tiêu | Đơn vị tính | Thực hiện 2023 | Kế hoạch 2024 | Ước thực hiện 2024 | Kế hoạch 2025 | So sánh (%) | | |
|----------|--|-------------|------------------|------------------|--------------------|------------------|---------------------|---------------------|---------------------|
| | | | | | | | TH 2024/ TH 2023 | TH 2024/ KH 2024 | KH 2025/ TH 2024 |
| 3 | Tỷ lệ hộ sử dụng nước hợp vệ sinh ở nông thôn | % | 88 | 89 | 89 | 90 | | | |
| D | KẾT QUẢ CHỦ YẾU TRÊN LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP | | | | | | | | |
| 1 | Sản lượng lương thực có hạt | Tấn | 10.515,42 | 10.601,00 | 10.631,30 | 10.601,00 | 101,10% | 100,29% | 99,71% |
| | Trong đó: | | | | | | | | |
| - | Lúa nước cả năm | Tấn | 4432,1 | 4.315,20 | 4.592,80 | 4.324,50 | 103,63% | 106,43% | 94,16% |
| - | Lúa rẫy | Tấn | 851,72 | 800 | 830,4 | 790 | 97,50% | 103,80% | 95,13% |
| - | Ngô | Tấn | 5231,6 | 5.486,30 | 5.208,10 | 5.486,30 | 99,55% | 94,93% | 105,34% |
| 2 | Diện tích một số cây trồng | | | | | | | | |
| | Tổng DTGT hàng năm | Ha | 7.772,40 | 7.778,00 | 7.871,32 | 7.783,00 | 101,27% | 101,20% | 98,88% |
| - | Cây lương thực | Ha | 3.652,10 | 3.725,00 | 3.655,70 | 3.715,00 | 100,10% | 98,14% | 101,62% |
| | + Lúa nước | Ha | 918,10 | 930,00 | 939,80 | 930,00 | 102,36% | 101,05% | 98,96% |
| | + Lúa rẫy | Ha | 796,00 | 800,00 | 783,40 | 790,00 | 98,42% | 97,93% | 100,84% |
| | + Ngô | Ha | 1.938,00 | 1.995,00 | 1.932,50 | 1.995,00 | 99,72% | 96,87% | 103,23% |
| - | Cây chất bột có củ | Ha | 2.756,90 | 2.689,00 | 2.785,80 | 2.689,00 | 101,05% | 103,60% | 96,53% |
| | + Sắn | Ha | 2.645,70 | 2.575,00 | 2.678,10 | 2.575,00 | 101,22% | 104,00% | 96,15% |
| | + Khoai lang | Ha | 43,10 | 44,00 | 43,50 | 44,00 | 100,93% | 98,86% | 101,15% |
| | + Khoai khác | Ha | 68,10 | 70,00 | 64,20 | 70,00 | 94,27% | 91,71% | 109,03% |
| - | Cây thực phẩm | Ha | 791,10 | 798,00 | 828,20 | 798,00 | 104,69% | 103,78% | 96,35% |
| | + Rau các loại | Ha | 263,20 | 278,00 | 268,60 | 278,00 | 102,05% | 96,62% | 103,50% |
| | + Đậu các loại | Ha | 527,90 | 520,00 | 559,60 | 520,00 | 106,00% | 107,62% | 92,92% |

| TT | Chỉ tiêu | Đơn vị tính | Thực hiện 2023 | Kế hoạch 2024 | Ước thực hiện 2024 | Kế hoạch 2025 | So sánh (%) | | |
|----------|--|-------------|----------------|---------------|--------------------|---------------|------------------|------------------|------------------|
| | | | | | | | TH 2024/ TH 2023 | TH 2024/ KH 2024 | KH 2025/ TH 2024 |
| - | Một số cây CN ngắn ngày (lạc) | Ha | 513,50 | 511,00 | 543,70 | 526,00 | 105,88% | 106,40% | 96,74% |
| - | Cây khác (cò) | Ha | 27,60 | 25,00 | 29,00 | 25,00 | 105,07% | 116,00% | 86,21% |
| - | Cây gia vị, dược liệu (sả, ớt, nghệ...) | Ha | 31,20 | 30,00 | 28,92 | 30,00 | 92,69% | 96,40% | 103,73% |
| 3 | Lâm nghiệp | | | | | | | | |
| | Trồng rừng tập trung | Ha | 1060 | 1.000 | 1.000 | 1.000 | 94,34% | 100,00% | 100,00% |
| | Trồng cây phân tán | Vạn cây | 35,0 | 30 | 31 | 30 | 88,57% | 103,33% | 96,77% |
| 4 | Chăn nuôi | | | | | | | | |
| | Tổng đàn trâu | Con | 6.845 | 6.850 | 6.770 | 6.770 | 98,90% | 98,83% | 100,00% |
| | Tổng đàn bò | Con | 7.500 | 7.650 | 7.973 | 8.000 | 106,31% | 104,22% | 100,34% |
| | Tổng đàn lợn | Con | 4.842 | 5.200 | 5.068 | 5.200 | 104,67% | 97,46% | 102,60% |
| | Tổng đàn dê | Con | 9.668 | 9.800 | 10.070 | 10.200 | 104,16% | 102,76% | 101,29% |
| | Tổng đàn gia cầm | Con | 102.000 | 102.000 | 102.080 | 102.100 | 100,08% | 100,08% | 100,02% |
| | Tổng sản lượng thịt hơi xuất chuồng | Tấn | 1.500 | 1.600 | 1.655 | 1.800 | 110,33% | 103,44% | 108,76% |
| 5 | Thủy sản | | | | | | | | |
| | Diện tích nuôi trồng | Ha | 14,3 | 14,3 | 14,58 | 14,58 | 101,96% | 101,96% | 100,00% |
| | Sản lượng (đánh bắt + nuôi trồng) | Tấn | 67 | 67 | 69 | 70 | 102,99% | 102,99% | 101,45% |
| E | KẾT QUẢ CHỦ YẾU TRÊN LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP | | | | | | | | |
| 1 | Cát sỏi khai thác | M3 | 91.300 | 106.800 | 145.800 | 172.044 | 159,69% | 136,52% | 118,00% |
| 2 | Lương thực xay xát | Tấn | 6.260 | 6.350 | 6.450 | 6.800 | 103,04% | 101,57% | 105,43% |

| TT | Chỉ tiêu | Đơn vị tính | Thực hiện 2023 | Kế hoạch 2024 | Ước thực hiện 2024 | Kế hoạch 2025 | So sánh (%) | | |
|----|----------------------------------|-------------|----------------|---------------|--------------------|---------------|---------------------|---------------------|---------------------|
| | | | | | | | TH 2024/ TH 2023 | TH 2024/ KH 2024 | KH 2025/ TH 2024 |
| 3 | Áo quần may sẵn | Cái | 72.400 | 78.200 | 80.200 | 88.220 | 110,77% | 102,56% | 110,00% |
| 4 | Giường tủ bàn ghế | Cái | 6.670 | 7.060 | 7.560 | 8.392 | 113,34% | 107,08% | 111,00% |
| 5 | Cửa ra vào, cửa sổ bằng sắt thép | M3 | 19.320 | 22.050 | 23.050 | 25.816 | 119,31% | 104,54% | 112,00% |
| 6 | Dăm gỗ | M3 | 80.300 | 96.360 | 100.800 | 118.944 | 125,53% | 104,61% | 118,00% |
| 7 | Điện sản xuất | Triệu KWh | 312,00 | 360,00 | 379 | 400 | 121,47% | 105,28% | 105,54% |
| 8 | Nước máy | 1000 M3 | 372,00 | 405,00 | 408 | 440 | 109,68% | 100,74% | 107,84% |